**Ngày soạn: ....../...../.....**

**Ngày dạy: ....../...../......**

**Bài 10: TIẾNG VỌNG NHỮNG NGÀY QUA**

**(Thơ)**

Môn học: Ngữ Văn/Lớp: 9

(Thời gian thực hiện: 12 tiết)

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới.

- Năng lực tự chủ và tự học:

+ Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.

+ Ghi chú bài giảng của giáo viên theo các ý chính.

+ Biết làm chủ tình cảm, cảm xúc để có hành vi phù hợp trong học tập.

+ Nhận ra và điều chỉnh được những sai sót, hạn chế của bản thân khi được giáo viên, bạn bè góp ý.

**1.2. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ.

- Nhận biết được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.

- Nhận biết tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.

- Nhận biết được đặc điểm và chức năng của phó từ.

- Bước đầu biết làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ; viết đoạn văn ghi lại cảm xúc của mình sau khi đọc một bài thơ bốn, năm chữ.

- Tóm tắt được các ý chính do người khác trình bày.

**2. Phẩm chất**

- Yêu nước: Biết yêu quê hương, có những việc làm thiết thực bảo vệ quê hương.

- Trách nhiệm: Có trách nhiệm với công việc được giao ở trường, ở lớp…

- Nhân ái: Trân trọng kí ức và giữ gìn niềm tin trong cuộc sống.

**Tuần:**

**Tiết:**

**Văn bản 1: NHỚ RỪNG**

**(Thế Lữ)**

Môn học: Ngữ Văn/Lớp: 9

(Thời gian thực hiện: 02 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

***1.1. Năng lực chung***

– Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.

– Năng lực giao tiếp, hợp tác: Biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ.

***1.2. Năng lực đặc thù:***

- Nhận biết và bước đầu phân tích được mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của văn bản: nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ.

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà VB muốn gửi đến

người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của VB; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

- Nhận biết và phân tích được nét độc đáo về hình thức của bài thơ thể hiện qua bố cục, kết cấu, ngôn ngữ, biện pháp tu từ.

- Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do VB đã học mang lại.

**2. Phẩm chất**

- Trách nhiệmTrân trọng kí ức và giữ gìn niềm tin trong cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học**: Máy tính, máy chiếu, ti vi,…

**2. Học liệu**: SGV, SGK, phiếu học tập về đặc điểm thơ bốn chữ, năm chữ và từ ngữ, hình ảnh độc đáo, bảng kiểm về tranh minh họa cho thơ bốn chữ, năm chữ; tranh minh họa về một số hình ảnh và file âm thanh của thiên nhiên, đời sống; video clip về sự lớn lên của mầm cây.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

1. **a. *Mục tiêu:***
2. - Xác định được tên chủ điểm, thể loại chính và câu hỏi lớn của bài học.
3. - Xác định được nhiệm vụ học tập phần đọc.
4. - Hứng thú với chủ đề học tập “Tiếng vọng những ngày qua”

***b. Nội dung:*** HS quan sát hình ảnh và lắng nghe âm thanh của tiếng vọng có trong clip, đời sống để trả lời câu hỏi của GV.

1. ***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS, phần ghi chép của HS về tên chủ điểm.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\*Giao nhiệm vụ học tập**  **Nhiệm vụ 1.** HS nghe clip https://youtu.be/\_BgOUUbj4dA?si=pw6x7XXvKzYtYurX và trả lời câu hỏi:  **1.** Theo em, trong những trường hợp nào, con người cảm thấy nhớ nhung và thương tiếc quá khứ của mình?  **2.** Qua đó, em hãy viết ra giấy một kí ức mà em không thể nào quên về gia đình, bạn bè, quê hương,… Vì sao em lại muốn chia sẻ với các bạn về kí ức ấy?  **Nhiệm vụ 2.** Tìm hiểu về câu hỏi lớn và ghi tên chủ điểm bài học: Kí ức có vai trò như thế nào trong việc xây đắp tâm hồn con người của chúng ta?  **Nhiệm vụ 3.** Xác định nhiệm vụ học tập phần đọc  **\*Thực hiện nhiệm vụ:**  - Cá nhân thực hiện nhiệm vụ **(1)**.  - Sau khi nghe báo cáo, kết luận về nhiệm vụ **(1)**, cá nhân thực hiện nhiệm vụ **(2)**.  - Sau khi nghe báo cáo, kết luận về nhiệm vụ **(2)**, cá nhân thực hiện nhiệm vụ **(3)**.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - Nhiệm vụ **(1)**: 2-3 HS trình bày; các HS khác lắng nghe, bổ sung.  - Nhiệm vụ **(2)**: 1-2 HS trình bày; các HS khác lắng nghe, bổ sung.  - Nhiệm vụ **(3)**: 1-2 HS trình bày; các HS khác lắng nghe, bổ sung.  **\*Kết luận, nhận định:**  - Nhiệm vụ **(1)**: Nhận xét câu trả lời của HS.  - Nhiệm vụ **(2)**: Giới thiệu nội dung chủ điểm, thể loại chính, câu hỏi lớn của bài học.  - Nhiệm vụ **(3)**: Đọc văn bản 1,2 để hình thành kĩ năng đọc thơ bốn chữ, năm chữ, đọc văn bản 3 để kết nối chủ điểm, đọc văn bản 4 để mở rộng thể loại. | Bài cảm nhận, suy nghĩ của HS |
| ***GV dẫn vào bài:*** *Con người thường cảm thấy nhớ nhung và thương tiếc quá khứ của mình trong những trường hợp sau đây:*  *- Khi đã trải qua những kỷ niệm đáng nhớ: Khi con người đã trải qua những khoảnh khắc đáng nhớ và hạnh phúc trong quá khứ, họ thường cảm thấy nhớ nhung và thương tiếc những khoảnh khắc đó.*  *- Khi đã mất đi một người thân yêu: Khi mất đi một người thân yêu, con người thường cảm thấy nhớ nhung và thương tiếc quá khứ khi họ còn ở bên nhau.*  *- Khi đã trải qua những thất bại và hối tiếc: Khi con người đã trải qua những thất bại và hối tiếc trong quá khứ, họ có thể cảm thấy nhớ nhung và thương tiếc vì không thể thay đổi những quyết định đã làm.*  *- Khi đã rời xa một nơi quen thuộc: Khi con người rời xa một nơi quen thuộc, như quê hương hay nơi đã sống lâu dài, họ thường cảm thấy nhớ nhung và thương tiếc những kỷ niệm và mối quan hệ đã có trong quá khứ.* | |

**2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**2.1 Tìm hiểu Tri thức Ngữ Văn**

***a. Mục tiêu:***

- Kích hoạt kiến thức nền về yếu tố nội dung và hình thức của VB văn học.

- Nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ.

- Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

***b. Nội dung:*** HSdựa vào tri thức Ngữ văn trong SGKlàm việc nhóm, làm việc cá nhân để hoàn thành phiếu học tập và trả lời câu hỏi của GV.

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS, phiếu học tập số 1

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\*Giao nhiệm vụ học tập:**  Đọc đọc mục *Nội dung và hình thức của VB văn học* (trong SGK) và thực hiện những yêu cầu sau:  (1) Hoàn thành bảng tóm tắt dưới đây:   |  |  | | --- | --- | | **Loại yếu tố** | **Yếu tố cụ thể** | | Các yếu tố nội dung của tác phẩm văn học | … | | Các yếu tố hình thức của tác phẩm văn học | … |   (2) Chỉ ra mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của một VB văn học.  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  3 nhóm- mỗi nhóm (6-8 HS) thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 10 phút theo thứ tự (1)🡪(2).  **\* Báo cáo, thảo luận:**  Đại diện 3 nhóm trình bày phiếu học tập; các nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu có).  **\*Kết luận nhận định:**  GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS, kết hợp với diễn giải ngắn gọn và chốt lại những vấn đề cần lưu ý các em | **I. Tri thức Ngữ văn: Nội dung và hình thức của văn bản văn học**  - Nội dung: Đề tài, chủ đề, xung đột, hoàn cảnh, tính cách, tư tưởng, cảm hứng, thông điệp,...  - Hình thức: Thể loại, bố cục, ngôn từ và các biện pháp nghệ thuật,...  🡪Nội dung và hình thức là hai phương diện không tách rời nhau của VB văn học; tạo nên tính chỉnh thể của tác phẩm văn học. Sự thống nhất giữa hai phương diện này tạo nên tính chỉnh thể của tác phẩm văn học. Các yếu tố thuộc nội dung trong VB văn học đều phải được thể hiện qua các yếu tố hình thức của tác phẩm và ngược lại, mọi yếu tố hình thức đều phải phù hợp, góp phần thể hiện nội dung. |

**Hoạt động 2.2: Trải nghiệm cùng văn bản**

**a.Mục tiêu:** Kích hoạt được kiến thức nền liên quan đến VB; tạo tâm thế trước khi đọc.

**b.Nội dung:**

(1) Theo em, trong những trường hợp nào, con người cảm thấy nhớ nhung và thương tiếc quá khứ của mình? Hãy chia sẻ câu trả lời của em với các bạn.

(2) Nhan đề của bài thơ giúp em dự đoán được gì về tình cảm, cảm xúc của nhân vật con hổ? Vì sao em có thể dự đoán được như vậy?

(3) Đọc khung thông tin về Thế Lữ (trong SGK); tóm tắt thông tin chính về tác giả và bài thơ *Nhớ rừng*.

**c. Sản phẩm:** Phần ghi chép của HS cho câu hỏi ở phần *Trải nghiệm cùng VB*.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\*Chuyển giao nhiệm vụ:***  GV giao nhiệm vụ như mục nội dung.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS làm việc theo nhóm.  - GV quan sát, gợi mở (nếu cần).  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  - Đại diện nhóm báo cáo.  - Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung, phản biện (nếu có).  ***\* Kết luận, nhận định*:**  - GV nhận xét quá trình tương tác, thảo luận nhóm của HS.  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau. | **II. Trải nghiệm cùng văn bản**  **1. Đọc**  **2. Tìm hiểu chung:**  a. Tác giả:  b. Tác phẩm:  - Xuất xứ:  - Thể loại:  - Bố cục: |

**\*Hoạt động 2.3: Suy ngẫm và phản hồi**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết và phân tích được mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của VB văn học.

- Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua VB.

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà VB muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của VB; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

- Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.

**b. Nội dung:**

**(1)** Đọc đoạn 1, 2 của bài thơ và thực hiện các nhiệm vụ sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHT SỐ 1**  a. Xác định những từ ngữ, hình ảnh gợi tả cuộc sống trong “những ngày xưa” ở chốn đại ngàn và cuộc sống hiện tại trong vườn bách thú của nhân vật con hổ bằng cách hoàn thành bảng sau:   |  |  | | --- | --- | | **Cuộc sống hiện tại: “nay”** | **Cuộc sống “những ngày xưa”** | | .................................................................  ................................................................. | ...................................................................  ................................................................... | | Nhận xét: Cuộc sống hiện tại của nhân vật con hổ là một cuộc sống  …………………………………………. | Nhận xét: Cuộc sống “những ngày xưa” của nhân vật con hổ là một cuộc sống  …………………………………………. |   Từ bảng trên, cho biết tác giả muốn làm nổi bật điều gì giữa hai cuộc sống ấy. Tác giả đã làm nổi bật điều đó bằng những hình thức nghệ thuật nào?  ………………………………………….………………………………………….………………………………………….………………………………………….………………………………………….………………………………………….………………………  PHT SỐ 2  b. Qua nỗi “nhớ rừng”, nhân vật con hổ đã bày tỏ niềm yêu quý và khinh ghét:   |  |  | | --- | --- | | **Yêu quý** | **Khinh ghét** | | ..................................................................  ................................................................. | ..................................................................  ................................................................. | |

**(2)** Đọc đoạn 3 và hoàn thành PHT số 2

|  |
| --- |
| **PHT SỐ 3**  – Nghệ thuật miêu tả bức tranh đại ngàn (*Gợi ý:* Không gian đại ngàn trong đoạn thơ có những đặc điểm gì? Những đặc điểm ấy được thể hiện bằng những yếu tố hình thức nào (từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ, thể thơ,…)*?*):  ………………………….………………………………………….………………………  – Nghệ thuật thể hiện cảm xúc (*Gợi ý*: Đoạn 3 bộc lộ cảm xúc gì của nhân vật con hổ? Cảm xúc được biểu đạt bằng những yếu tố hình thức nào?):  ………………………….………………………………………….……………………… |

**(3)** Em hãy giải thích hoàn cảnh và lí do “nhớ rừng” của nhân vật con hổ trong bài thơ.

(4) Trong thực tế, loài vật khó có được đời sống tinh thần (nhận thức, khát vọng, tâm sự, yêu ghét, thương nhớ, khao khát,…) như con người, vậy chuyện con hổ thực chất là chuyện của ai? Dựa vào đâu để khẳng định như vậy? “Nhớ rừng” thực chất là nhớ về những điều gì?

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d**. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **III. Suy ngẫm và phản hồi**  ***1. Sự đối lập hoàn cảnh sống của nhân vật con hổ*** | |
| ***\* Chuyển giao nhiệm vụ:***  GV giao nhiệm vụ như mục nội dung: Hoàn thành PHT số 1, 2  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS làm việc cá nhân, nhóm  - GV quan sát, gợi mở(nếu cần)  ***\*: Thảo luận, báo cáo***  - Đại diện nhóm trình bày.  - Các nhóm khác lắng nhận xét, bổ sung (nếu cần).  ***\* Kết luận, nhận định*:**  - GV nhận xét về thái độ học tập và sản phẩm của nhóm HS dựa vào bảng tiêu chí đánh giá | ***a. Những từ ngữ, hình ảnh gợi tả cuộc sống “xưa” và “nay”***  - Cuộc sống hiện tại “nay”🡪 là cuộc sốngtù túng, vô vị, nhục nhằn, đầy nỗi căm hờn, buồn chán, tiếc nuối.  - Cuộc sống “những ngày xưa”🡪 là một cuộc sống tung hoành, oai phong, vẻ vang, lẫm liệt.  - Sự đối lập ấy được thể hiện bằng những hình thức nghệ thuật như:  + Cách kết hợp miêu tả với biểu cảm.  + Nghệ thuật đối lập  + Nghệ thuật sử dụng hình ảnh, vần, nhịp, ngắt dòng  ***b.* Qua nỗi “nhớ rừng”, nhân vật con hổ đã bày tỏ niềm yêu quý và khinh ghét:**  - Yêu quý:  +Sự tự do: Không gian lớn lao, khoáng đạt, đại ngàn sơn lâm, bóng cả, cây già, tiếng gió gào ngàn, giọng nguồn hét núi, *chốn thảo hoa không tên, không tuổi*  + Quá khứ: Dõng dạc, đường hoàng, tung hoàng, hống hách, oanh liệt  - Khinh ghét:  + Cảnh sống sa cơ, tù hãm, nhục nhằn  + Hiện tại: Tù túng, căm hờn trong cũi sắt, buồn chán “trông ngày tháng dần qua”… |
| ***\*Giao nhiệm vụ học tập:***  **Nhiệm vụ 2. Trả lời các câu hỏi (1), (4) trong SGK:**  **\*Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS lần lượt thực hiện từng nhiệm vụ.  **\*Báo cáo, thảo luận:**  - Nhiệm vụ: 2-3 HS trình bày; HS khác lắng nghe, trao đổi, bổ sung (nếu có).  **\*Kết luận, nhận định:**  - GV nhận xét về thái độ học tập và sản phẩm của nhóm HS.  - Chốt kiến thức và liên hệ giáo dục:  **\* Lồng ghép ĐĐLS:**  - Giáo dục HS có lối sống đúng đắn, yêu thương bản thân, gia đình, trân trọng kí ức và gìn giữ niềm tin trong cuộc sống.  - Biết giữ gìn, bảo tồn, phát huy trân trọng các giá trị văn hóa, lịch sử của dân tộc; tôn trọng sự khác biệt trong xã hội. | **2. Nỗi nhớ rừng của nhân vật Hổ**  ***a. Hoàn cảnh nhớ rừng***  - Hoàn cảnh sống hiện tại của nhân vật con hổ chẳng khác nào tù ngục (bị bắt nhốt trong vườn bách thú, tách biệt với thế giới tự do ở chốn đại ngàn), do vậy nỗi nhớ càng tha thiết, mãnh liệt, thấm thía.--> Lí do nhớ rừng: Chán ghét cảnh sống tù túng, giả tạo; tiếc nuối một thời sống tự do, “oanh liệt”, từng là chúa tể rừng xanh.  ***b.*Nỗi nhớ của hổ**  - Hình tượng con hổ là sự hóa thân của thi sĩ.  - Nhớ rừng thực chất là tâm trạng của người dân Việt Nam mất nước đang sống trong cảnh nộ lệ và tiếc nhớ khôn nguôi thời oanh liệt với những chiến công chống giặc ngoại xâm vẻ vang trong lịch sử dân tộc. |
| **TIẾT 2**  **III. Suy ngẫm và phản hồi**  **3. Thủ pháp nghệ thuật đặc sắc trong xây dựng hình tượng hổ** | |
| ***a.Mục tiêu:***  - Nhận biết tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  - Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.  ***b. Nội dung:*** HS đọc văn bản, làm việc cá nhân để tìm hiểu tình cảm, cảm xúc của tác giả dành cho những mầm cây qua ngôn ngữ văn bản.  ***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS.  ***d.Tổ chức thực hiện:*** | |
| ***Hoạt động của GV và HS*** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\*Giao nhiệm vụ học tập***  Trả lời các câu hỏi (3), (5) trong SGK  ***\*Thực hiện nhiệm vụ:***  - Nhóm 4-6 HS thực hiện nhiệm vụ  ***\*Báo cáo, thảo luận:***  - Nhiệm vụ: 4-6 HS trình bày; HS khác lắng nghe, trao đổi, bổ sung (nếu có).  ***\*Kết luận, nhận định:***  Nhận xét câu trả lời của HS và hướng đến kết luận kiến thức. | ***a. Nghệ thuật miêu tả bức tranh đại ngàn:***  *+ Đêm vàng bên bờ suối: Cảnh đêm trăng đẹp, diễm lệ khi con hổ đứng uống ánh trăng thật lãng mạn*  *+ Mưa chuyển bốn phương ngàn: Cảnh mưa rung chuyển đại ngàn hùng vĩ, hổ lãng mạn ngắm giang sơn đổi mới.*  *+ Bình minh cây xanh, tiếng chim ca: cảnh chan hòa ánh sáng, rộn rã tiếng chim ca hát cho giấc ngủ của chúa sơn lâm.*  *→ Một bộ tranh tứ bình đẹp lộng lẫy, cho thấy những cảnh thiên nhiên hoang vắng, đẹp rợn ngợp và con hổ với tư thế và tầm vóc uy nghi, tráng lệ.*  ***b. Nghệ thuật thể hiện cảm xúc:***  *+ Từ ngữ miêu tả, gợi hình: dõng dạc, đường hoàng, lượn tấm thân, vờn bóng,  mắt…quắc…: sự uy nghi, ngang tàn, lẫm liệt của chúa sơn lâm.*  *+ Điệp từ ta : ta say, ta lặng ngắm, ta đợi chết: Khí phách ngang tàn của vị chúa tể.*  *+ Điệp ngữ: Nào đâu, đâu những*  *+ Câu hỏi tu từ: Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?*  *→ Tâm trạng đau đớn, tiếc nuối khôn nguôi của hổ với một thời huy hoàng trong quá khứ.*  **c. Hình tượng con hổ “nhớ rừng”**  - Trong bài thơ hình tượng con hổ được sử dụng các biện pháp tu từ: ẩn dụ, nhân hoá.  + Nhân vật con hổ có tâm sự, tính cách như con người (*căm hờn, trông ngày tháng dần qua, khinh, nhục nhằn, sống mãi trong tình thương nỗi nhớ,...*);  + Ẩn dụ: mượn nỗi “nhớ rừng” của con hổ để nói về niềm thương tiếc quá khứ tự do, oanh liệt của con người.  -Tác dụng: Làm cho nhân vật con hổ cũng mang số phận, cảnh ngộ, tâm trạng như con người, giúp tác giả thể hiện được những vấn đề sâu kín thuộc về đời sống của con người. |
| ***\*Nhiệm vụ học tập:***  **Nhiệm vụ 1.** Xác định chủ đề, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc.  **Nhiệm vụ 2.** Trả lời câu hỏi: Từ thông điệp mà tác giả gửi đến trong văn bản, em có suy nghĩ và hành động như thế nào về những mầm xanh thiên nhiên đang có?  ***\* Thực hiện nhiệm vụ :***  - Nhóm đôi thực hiện nhiệm vụ (1) trong thời gian 3 phút.  - Sau khi nghe báo cáo, kết luận về nhiệm vụ (1), cá nhân thực hiện nhiệm vụ (2).  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  - Nhiệm vụ (1): Đại diện một số nhóm trình bày; các nhóm khác lắng nghe, trao đổi, bổ sung (nếu có).  - Nhiệm vụ (2): 1-2 HS trình bày, các nhóm khác lắng nghe, trao đổi, bổ sung (nếu có).  ***\*Kết luận, nhận định:***  - Nhiệm vụ (1): Nhận xét thái độ, tinh thần, kết quả hoạt động nhóm của HS.  - Nhiệm vụ (2): Nhận xét câu trả lời, hướng đến kết luận theo chủ đề yêu thiên nhiên và thông điệp hãy biết yêu thương, nâng niu sự sống.  **\* Lồng ghép ĐĐLS:**  - Giáo dục HS có lối sống đúng đắn, quý trọng sự tự do, biết gìn giữ niềm tin và những gì tốt đẹp nhất trong cuộc sống. | **4. Chủ đề, cảm hứng chủ đạo, mạch cảm xúc và thông điệp của bài thơ**  - Chủ đề: Sự chán ghét thực tại tầm thường, tù túng và niềm khao khát tự do mãnh liệt.  - Cảm hứng chủ đạo: Cảm hứng hoài niệm về quá khứ hoàng kim và niềm khao khát tự do.  -Mạch cảm xúc:  +Khổ 1 + 4: Sự chán ghét của hổ khi bị giam cầm tại nơi tầm thường giả dối.  +Khổ 2+3: Nỗi nhớ về thời oanh liệt trong quá khứ.  +Khổ 5: Tâm trạng nhớ tiếc quá khứ  - Thông điệp: Mất tự do và những gì tốt đẹp là bi kịch đau thương của con người; hãy biết quý trọng, bảo vệ tự do và những gì tốt đẹp. |

**3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

***a.Mục tiêu:***

- Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do VB đã học mang lại.

***b. Nội dung:***  HS làm việc cá nhân để hoàn thành câu7.

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS về câu 7 (trong SGK).

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của GV và HS*** | ***Dự kiến sản phẩm*** |
| ***\*Nhiệm vụ học tập:***  - Chỉ ra đại từ nhân xưng mà nhân vật con hổ đã sử dụng. Nhận xét sắc thái biểu cảm do việc sử dụng đại từ ấy mang lại cho bài thơ.  - Xác định các yếu tố làm nên âm điệu của một bài thơ. Các yếu tố ấy thường được thể hiện như thế nào ở thể thơ tám chữ? Từ đó, nhận xét về tác dụng của các yếu tố trong việc thể hiện tình cảm, cảm xúc của tác giả trong bài thơ.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  Cá nhân HS đọc văn bản và tìm chi tiết để hoàn thành câu 7.  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  2-3 HS trả lời, HS còn lại theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu có).  ***\*Kết luận nhận định:*** | **Đại từ nhân xưng, các yếu tố làm nên âm điệu bài thơ**  *- Tuỳ từng đoạn thơ, nhân vật con hổ thể hiện những cung bậc tình cảm, cảm xúc ít nhiều khác nhau nhưng nổi bật là niềm kiêu hãnh gắn với nỗi buồn tiếc khi gợi nhắc về quá khứ oanh liệt.*  *- Thể thơ tám chữ với cách gieo vần chân theo từng cặp vần bằng – trắc luân phiên (tan – ngàn, mới – gội, bừng – rừng, gắt – mật); giọng thơ, nhịp thơ vừa tha thiết vừa khoẻ khoắn, khoan thai; cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh kì vĩ, tráng lệ (những đêm vàng bên bờ suối; những bình minh cây xanh nắng gội; những chiều mưa chuyển động bốn phương ngàn;…);… Tất cả đã góp phần khơi sâu những tình cảm, cảm xúc, niềm kiêu hãnh gắn với nỗi buồn tiếc khi gợi nhắc về quá khứ oanh liệt*. |

***4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG***

***a.Mục tiêu:***

- Biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới đối với bản thân từ các nguồn tài liệu cho sẵn theo hướng dẫn.

***b. Nội dung:*** HS làm việc cá nhân hoàn thiện PHT số 2

***b. Sản phẩm:*** Kẻ bảng sau vào vở, nêu một trong những biểu hiện về sự phù hợp giữa các yếu tố hình thức (thể thơ, hình ảnh, từ ngữ, biện pháp tu từ, vần, nhịp) trong việc biểu đạt nội dung của văn bản:

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của GV và HS*** | ***Dự kiến sản phẩm*** |
| ***\*Nhiệm vụ học tập:***  Kẻ bảng sau vào vở, nêu một trong những biểu hiện về sự phù hợp giữa các yếu tố hình thức (thể thơ, hình ảnh, từ ngữ, biện pháp tu từ, vần, nhịp) trong việc biểu đạt nội dung của văn bản:  **\*Thực hiện nhiệm vụ :**  - Cá nhân thực hiện nhiệm vụ **(2)** ở nhà.  **\*Báo cáo, thảo luận:**  - Nhiệm vụ: Sau khi học văn bản, HS tìm một số bài thơ, đoạn thơ bốn chữ nói về vẻ đẹp của thiên nhiên, của vạn vật và vẽ tranh minh họa. Trình bày sản phẩm ở góc học tập của lớp; các nhóm dùng bảng kiểm để đánh giá chéo tranh minh họa của nhóm bạn.  ***\*Kết luận, nhận định:***  Nhận xét quá trình thực hiện của HS; Nhận xét tinh thần, thái độ làm việc nhóm, sản phẩm của HS. | Bài làm của học sinh |
| **\* Hướng dẫn tự học:**  **1.** Ôn lại các kiến thức đã học.  **2.** Chuẩn bị văn bản 2: ***“Mùa xuân chín”***  - Đọc văn bản  - Trả lời các câu hỏi suy ngẫm và phản hồi. | |

**IV HỒ SƠ HỌC TẬP**

**Gợi ý câu trả lời PHT số 1:**

Những từ ngữ, hình ảnh gợi tả cuộc sống trong “những ngày xưa” ở chốn đại ngàn và cuộc sống hiện tại trong vườn bách thú của nhân vật con hổ bằng cách hoàn thành bảng sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Cuộc sống hiện tại: “nay”** | **Cuộc sống “những ngày xưa”** |
| – Ở trong cũi sắt*: sa cơ, bị nhục nhằn tù hãm,…*  – Buộc phải: *làm trò lạ mắt, thứ đồ chơi,…*  *–* Bị hạ thấp vị trí, quyền uy: *chịu ngang bầy … bọn gấu dở hơi, cặp báo vô tư lự, gậm một khối căm hờn, nằm dài, trông ngày tháng dần qua, trong tình thương nỗi nhớ,...* | *Ta biết ta chúa tể cả muôn loài, giữa chốn thảo hoa không tên, không tuổi, cảnh sơn lâm, bóng cả, cây già, với tiếng gió gào ngàn, với giọng nguồn hét núi, thét khúc trường ca dữ dội; ta bước chân lên, dõng dạc, đường hoàng, lượn tấm thân như sóng cuộn nhịp nhàng, vờn bóng âm thầm, lá gai, cỏ sắc; trong hang tối, mắt thần khi đã quắc;...* |
| 🡪 Cuộc sống hiện tại của con hổ là cuộc sốngtù túng, vô vị, nhục nhằn, đầy nỗi căm hờn, buồn chán, tiếc nuối | 🡪 Cuộc sống “những ngày xưa” của con hổ là một cuộc sống tung hoành, oai phong, vẻ vang, lẫm liệt |

***Tác giả muốn làm nổi bật sự khác biệt đến mức đối lập giữa hai cuộc sống. Sự đối lập ấy được thể hiện bằng những hình thức nghệ thuật*** như:

- Cách kết hợp miêu tả với biểu cảm.

- Nghệ thuật đối lập giúp tô đậm sự khác biệt về vị thế, cảnh sống của nhân vật con hổ giữa hiện tại và quá khứ.

- Nghệ thuật sử dụng hình ảnh, vần, nhịp, ngắt dòng: Dòng thơ tám chữ duỗi dài theo nhịp 3/5 đều đặn, tạo âm điệu bi tráng bằng cách phát huy tác dụng của cách gieo vần chân và vần liền, đắp đổi theo từng cặp vần luân phiên bằng – trắc.

**PHT số 2:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Yêu quý** | **Khinh ghét** |
| – Sự tự do: Không gian lớn lao, khoáng đạt, đại ngàn sơn lâm, bóng cả, cây già, tiếng gió gào ngàn, giọng nguồn hét núi, *chốn thảo hoa không tên, không tuổi*  – Quá khứ: Dõng dạc, đường hoàng, tung hoàng, hống hách, oanh liệt | - Cảnh sống sa cơ, tù hãm, nhục nhằn  - Hiện tại: Tù túng, căm hờn trong cũi sắt, buồn chán “trông ngày tháng dần qua”,… |

|  |
| --- |
| **PHT số 3** |
| **PHT SỐ 3**  **– Nghệ thuật miêu tả bức tranh đại ngàn (*Gợi ý:* Không gian đại ngàn trong đoạn thơ có những đặc điểm gì? Những đặc điểm ấy được thể hiện bằng những yếu tố hình thức nào (từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ, thể thơ,…)*?*):**  *+ Đêm vàng bên bờ suối: Cảnh đêm trăng đẹp, diễm lệ khi con hổ đứng uống ánh trăng thật lãng mạn*  *+ Mưa chuyển bốn phương ngàn: Cảnh mưa rung chuyển đại ngàn hùng vĩ, hổ lãng mạn ngắm giang sơn đổi mới.*  *+ Bình minh cây xanh, tiếng chim ca: cảnh chan hòa ánh sáng, rộn rã tiếng chim ca hát cho giấc ngủ của chúa sơn lâm.*  *→ Một bộ tranh tứ bình đẹp lộng lẫy, cho thấy những cảnh thiên nhiên hoang vắng, đẹp rợn ngợp và con hổ với tư thế và tầm vóc uy nghi, tráng lệ.* |
| **– Nghệ thuật thể hiện cảm xúc (*Gợi ý*: Đoạn 3 bộc lộ cảm xúc gì của nhân vật con hổ? Cảm xúc được biểu đạt bằng những yếu tố hình thức nào?):**  *+ Từ ngữ miêu tả, gợi hình: dõng dạc, đường hoàng, lượn tấm thân, vờn bóng,  mắt…quắc…: sự uy nghi, ngang tàn, lẫm liệt của chúa sơn lâm.*  *+ Điệp từ ta : ta say, ta lặng ngắm, ta đợi chết: Khí phách ngang tàn của vị chúa tể.*  *+ Điệp ngữ: Nào đâu, đâu những*  *+ Câu hỏi tu từ: Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?*  *→ Tâm trạng đau đớn, tiếc nuối khôn nguôi của hổ với một thời huy hoàng trong quá khứ.* |

**PHT số 4:**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4**

Kẻ bảng sau vào vở, nêu một trong những biểu hiện về sự phù hợp giữa các yếu tố hình thức (thể thơ, hình ảnh, từ ngữ, biện pháp tu từ, vần, nhịp) trong việc biểu đạt nội dung của văn bản:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Yếu tố hình thức** | **Đặc điểm** | **Sự phù hợp trong việc biểu đạt nội dung** |
| Thể thơ | Các dòng thơ tám chữ, gieo vần thành từng cặp liên tiếp | Phù hợp để biểu đạt... |
| Hình ảnh, từ ngữ |  |  |
| Biện pháp tu từ |  |  |
| Vần, nhịp |  |  |

**Trả lời:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Yếu tố hình thức** | **Đặc điểm** | **Sự phù hợp trong việc biểu đạt nội dung** |
| Thể thơ | Các dòng thơ tám chữ, gieo vần thành từng cặp liên tiếp | Phù hợp để biểu đạt nhịp điệu dồn dập, thể hiện sự uất hận, phẫn uất của con hổ. |
| Hình ảnh, từ ngữ | Hình ảnh phong phú, sinh động, từ ngữ sử dụng sắc sảo | Diễn tả cảnh đại ngàn hùng vĩ, lớn lao, mạnh mẽ phi thường bí ẩn linh thiêng giang sơn của con hổ. |
| Biện pháp tu từ | Biện pháp điệp ngữ, câu hỏi tu từ, ẩn dụ, nhân hóa,... | Tâm trạng đau đớn, tiếc nuối khôn nguôi của hổ với một thời huy hoàng trong quá khứ. |
| Vần, nhịp | Nhịp điệu du dương, trầm bổng với vần liền, vần bằng và vần trắc | Thái độ chán chường, khinh miệt.  Nhạc điệu du dương, cảm xúc dào dạt. |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4**  Kẻ bảng sau vào vở, nêu một trong những biểu hiện về sự phù hợp giữa các yếu tố hình thức (thể thơ, hình ảnh, từ ngữ, biện pháp tu từ, vần, nhịp) trong việc biểu đạt nội dung của văn bản:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Yếu tố hình thức** | **Đặc điểm** | **Sự phù hợp trong việc biểu đạt nội dung** | | Thể thơ | Các dòng thơ tám chữ, gieo vần thành từng cặp liên tiếp | Phù hợp để biểu đạt... | | Hình ảnh, từ ngữ |  |  | | Biện pháp tu từ |  |  | | Vần, nhịp |  |  |   **Trả lời:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Yếu tố hình thức** | **Đặc điểm** | **Sự phù hợp trong việc biểu đạt nội dung** | | Thể thơ | Các dòng thơ tám chữ, gieo vần thành từng cặp liên tiếp | Phù hợp để biểu đạt nhịp điệu dồn dập, thể hiện sự uất hận, phẫn uất của con hổ. | | Hình ảnh, từ ngữ | Hình ảnh phong phú, sinh động, từ ngữ sử dụng sắc sảo | Diễn tả cảnh đại ngàn hùng vĩ, lớn lao, mạnh mẽ phi thường bí ẩn linh thiêng giang sơn của con hổ. | | Biện pháp tu từ | Biện pháp điệp ngữ, câu hỏi tu từ, ẩn dụ, nhân hóa,... | Tâm trạng đau đớn, tiếc nuối khôn nguôi của hổ với một thời huy hoàng trong quá khứ. | | Vần, nhịp | Nhịp điệu du dương, trầm bổng với vần liền, vần bằng và vần trắc | Thái độ chán chường, khinh miệt.  Nhạc điệu du dương, cảm xúc dào dạt. |   **BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Các biểu hiện cụ thể** | **Mức độ** | | | | **1** | **2** | **3** | | **1** | HS tự giác, chủ động hoàn thành các bài tập được giao đúng thời gian. |  |  |  | | **2** | HS biết lắng nghe, trao đổi trước nhóm/lớp một cách dạn dĩ, tự tin. |  |  |  | | **3** | HS biết kiểm soát cảm xúc, thái độ. |  |  |  | | **4** | Để giải quyết một vấn đề, HS thường cố gắng đến cùng. |  |  |  | | **5** | HS chủ động nghĩ ra những cách khác nhau để giải quyết vấn đề. |  |  |  |   **BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ SÁNG TẠO**   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Tiêu chí thể hiện NLGQVĐ&ST của HS** | **Đánh giá mức độ phát triển  NLGQVĐ&ST/điểm đạt được** | | | **Nhận xét** | | **Tốt: 8-10** | **Đạt: 5-7** | **Chưa đạt: 0-4** | | **1** | Phân tích, xác định được mục tiêu, tình huống, nhiệm vụ học tập. |  |  |  |  | | **2** | Đề xuất câu hỏi định hướng nghiên cứu cho nhiệm vụ |  |  |  |  | | **3** | Thực hiện nhiệm vụ một cách hiệu quả. |  |  |  |  | | **4** | Xác định và tìm kiếm nguồn thông tin phù hợp với đề tài dự án. |  |  |  |  | | **5** | Trình bày sản phẩm, rõ ràng, logic, lôi cuốn. |  |  |  |  | | **TỔNG ĐIỂM** | |  |  |  |  | |
| **BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ PHẨM CHẤT TRÁCH NHIỆM**  **TRONG HOẠT ĐỘNG NHÓM**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | ***Tiêu chí*** | ***Có*** | ***Không*** | | Sẵn sàng nhận bất cứ nhiệm vụ nào được giao |  |  | | Tìm hiểu kĩ nhiệm vụ được giao |  |  | | Lập kế hoạch thực hiện nhiệm vụ. |  |  | | Thực hiện nhiệm vụ theo đúng tiến độ yêu cầu. |  |  | | Cố gắng hoàn thành tốt nhất sản phẩm yêu cầu. |  |  | | Chia sẻ tài nguyên cho các HS khác. |  |  | | Giúp đỡ các HS khác khi cần thiết. |  |  |   **BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TỰ HỌC, TỰ HOÀN THIỆN**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | ***Tiêu chí*** | ***Có*** | ***Không*** | | Thái độ chân thành, vui vẻ khi tiếp thu ý kiến |  |  | | Lắng nghe, ghi nhận ý kiến người khác |  |  | | Biết nhận ra những hạn chế khi được người khác góp ý |  |  | | Điều chỉnh được những sai sót khi được người khác góp ý |  |  | | Hoàn thành tốt sản phẩm sau khi được góp ý |  |  |   **RÚT KINH NGHIỆM:**  **...................................................................................................................................**  **..................................................................................................................................**  **..................................................................................................................................** |

**Ngày soạn: ....../...../.....**

**Ngày dạy: ....../...../......**

**BÀI 10: TIẾNG VỌNG NHỮNG NGÀY QUA (THƠ)**

**Văn bản 2: MÙA XUÂN CHÍN**

**- Hàn Mặc Tử-**

**I. MỤC TIÊU**

Sau khi học xong bài này, HS có thể:

**1. Về kiến thức**

- Nhận biết và phân tích được mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của văn bản thơ.

- Nhận biết mối quan hệ nội dung và hình thức của một văn bản văn học.

- Biết cách đọc hiểu một văn bản thơ.

**2. Về năng lực**

***a. Năng lực chung***

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ.

***a. Năng lực đặc thù***

- Nhận biết và phân tích được mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của văn bản văn học.

- Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của Hàn Mặc Tử được thể hiện trong văn bản thơ Mùa xuân chín.

- Nhận biết và phân tích được nét độc đáo về hình thức của bài thơ thể hiện qua bố cục, kết cấu ngôn từ, biện pháp tu từ trong bài thơ Mùa xuân chín.

- Từ đó nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức, đánh giá của bản thân do bài thơ đã học mang lại.

**3. Phẩm chất**

- Yêu nước: Biết yêu quê hương, có những việc làm thiết thực bảo vệ quê hương.

- Trách nhiệm: Có trách nhiệm với công việc được giao ở trường, ở lớp…

- Trân trọng kí ức và gìn giữ niềm tin trong cuộc sống.

- Học sinh biết trân trọng cái đẹp, thấu hiểu nỗi niềm và cảm xúc giao cảm với cuộc đời của thi sĩ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** Máy tính, Tivi, bảng phấn, bảng nhóm, giấy A0…

**2. Học liệu:** SGK, SGV, SBT, PHT, sơ đồ, bảng biểu, một số tranh ảnh có liên quan đến văn bản…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

***a. Mục tiêu:***

- Xác định được tên chủ điểm, thể loại chính và câu hỏi lớn của bài học.

- Xác định được nhiệm vụ học tập phần đọc.

- Hứng thú với chủ đề học tập “Tiếng vọng những ngày qua”

***b. Nội dung:*** HS quan sát hình ảnh và lắng nghe âm thanh của tiếng vọng có trong clip, đời sống để trả lời câu hỏi của GV.

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS, phần ghi chép của HS về tên chủ điểm.

***d. Tổ chức thực hiện***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ***\*Nhiệm vụ học tập:***  - Giáo viên cho HS xem 1 video hoặc hình ảnh về đặc trưng bốn mùa sau đó đặt câu hỏi:  Video: https://youtu.be/KEP4EdvSrP8  Em hãy nêu những đặc trưng của bốn mùa có trong video trên? Trong bốn mùa em thích nhất mùa nào? Vì sao?  - HS theo dõi video và trả lời câu hỏi.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  - GV chiếu video/ hình ảnh.  - HS theo dõi video/ hình ảnh và trả lời câu hỏi.  ***\* Báo cáo, thảo luận***  HS chia sẻ cảm nhận của bản thân.  ***\*Kết luận, nhận định***  GV nhận xét câu trả lời của HS, và chốt ý, dẫn dắt vào bài học. | Bài cảm nhận, suy nghĩ của HS |
| ***GV dẫn vào bài:* Từ trước đến nay, chúng ta vẫn luôn quan niệm một năm có 4 mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông. Mùa xuân thường mùa cây cối xanh tốt, muôn hoa đua nở. Mùa hè thì gắn liền với những ngày nắng gắt, mùa thu lại dịu nhẹ với tiết trời mát mẻ và mùa đông thì lạnh buốt mỗi khi gió mùa về. Mỗi mùa có 1 đặc trưng riêng của nó. Và đã có biết bao nhiêu thi sĩ đã sáng tác rất nhiều bài thơ hay để cao ngợi vẻ đẹp của bốn mùa. Như mùa xuân có Mùa xuân nho nhỏ của Thanh Hải, Xuân – Chế Lan Viên, Mưa xuân của Nguyễn Bính. Mùa hè có Cảnh ngày hè – Nguyễn Trãi, Mùa hè – Nguyễn Nhật Ánh. Mùa thu có Chùm thơ thu 3 bài của Nguyễn Khuyến, Đây mùa thu tới – Xuân Diệu, Mùa thu mới – Tố Hữu. Mùa đông có Vịnh mùa đông – Nguyễn Công Trứ. Và có lẽ trong các mùa thì mùa xuân – mùa của sức sống đâm chồi nảy lộc được nhiều thi sĩ viết nhất. Một trong những bài thơ về mùa xuân hay mà nếu bỏ qua thì thực sự là một thiếu xót nếu ta không kể đến “Mùa xuân chín” của Hàn Mặc Tử. Xin mời các em sẽ đến với buổi học ngày hôm nay.** | |

**2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 2.1 Trải nghiệm cùng văn bản**

**a. Mục tiêu**

- Kích hoạt kiến thức nền về yếu tố nội dung và hình thức của VB văn học.

- Nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ.

- Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

**b. Nội dung**

HS đọc văn bản, làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành phiếu học tập và trình bày sản phẩm.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| ***I. Trải nghiệm cùng văn bản***  ***1. Đọc – chú thích***  ***\*Chuyển giao nhiệm vụ***  ***Phương pháp: GV sử dụng kỹ thuật tia chớp, hoặc Kt hỏi - đáp***  Gv nêu cách đọc thơ.  GV yêu cầu HS đọc to, rõ ràng, diễn cảm bài thơ.  GV cho HS nhận xét phần đọc của bạn.  GV yêu cầu HS giải thích từ khó.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** HS thực hiện nhiệm vụ GV giao.  ***2. Tìm hiểu chung***  ***a. Tác giả***  ***b. Tác phẩm***  ***\*Chuyển giao nhiệm vụ***  ***Phương pháp: GV sử dụng PHT + trò chơi đố vui, KT người chỉ huy để tìm hiểu về tác giả***  GV chiếu PHT số 1 tìm hiểu về tác giả:   |  |  | | --- | --- | | **Nội dung tìm hiểu** | **Thông tin tác giả, tác phẩm** | | Tên khai sinh |  | | Năm sinh, năm mất |  | | Thành tựu văn học |  | | Xuất xứ bài thơ |  | | Thể thơ |  | | PTBĐ |  | | Bố cục |  | | NX chung: | |   GV cử 1 HS lên chỉ huy lớp thực hiện nhiệm vụ.  HS chỉ huy lên đặt câu hỏi cho HS dưới lớp. Có thể hỏi bất kỳ thông tin nào để HS khác trả lời.  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS làm việc cá nhân  - GV quan sát, gợi mở (nếu cần).  **\* Báo cáo, thảo luận**  - 1 HS đại diện lên thực hiện nhiệm vụ chỉ huy.  - Các HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung, phản biện (nếu có).  ***\*: Kết luận, nhận định*:**  - GV nhận xét quá trình tương tác của HS. | **I. Trải nghiệm cùng văn bản**  ***1. Đọc – chú thích***  ***2. Tìm hiểu chung***  a. Tác giả: Hàn Mặc Tử (1912 – 1940)  b. Tác phẩm: Mùa xuân chín trích trong phần “Hương thơm” trong tập thơ Đau Thương.  -Thể thơ: 7 chữ  - Bố cục: 3 phần  + Khổ 1: Khung cảnh mùa xuân  + Khổ 2 + 3: Tình xuân  + Khổ 4: Tâm trạng nhân vật khách |

**Hoạt động 2.2 Suy ngẫm và phản hồi**

**a. Mục tiêu**

- Nhận biết và phân tích được mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của bài thơ.

- Nhận biết và phân tích được những nét độc đáo về hình thức trong bài thơ như: từ ngữ, hình ảnh thơ, ngôn ngữ và biện pháp tu từ.

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà tác giả gửi gắm đến bạn đọc.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, PHT, tiến hành thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu được kiến thức và trả lời được câu hỏi.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **II. SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI**  ***1. Nét độc đáo về hình thức nghệ thuật của bài thơ***  ***1.1 Nhan đề bài thơ***  ***\*Chuyển giao nhiệm vụ***  GV sử dụng kỹ thuật nhóm đôi + KT hỏi đáp để tìm hiểu ý nghĩa nhan đề bài thơ.  GV đặt câu hỏi: Nhan đề “Mùa xuân chín” được cấu tạo bởi những từ thuộc từ loại nào và có thể gợi cho em những liêm tưởng gì?  HS nhận nhiệm vụ, thảo luận theo bàn  ***\*Thực hiện nhiệm vụ:***  HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm giáo viên giao  **\* Báo cáo, thảo luận**  - 1 HS đại diện lên thực hiện nhiệm vụ.  - Các HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung, phản biện (nếu có).  ***\* Kết luận, nhận định*:**  - GV nhận xét quá trình tương tác của HS.  GV chốt và bình: “Mùa xuân chín” là một nhan đề phù hợp với nội dung bài thơ vì gợi được cảnh sắc mùa xuân ở độ viên mãn nhất, căng tràn nhựa sống nhất. Khi đạt đến trạng thái ấy, mùa xuân tươi đẹp cũng đồng thời đang dần trôi qua, không có cái đẹp nào có thể tồn tại vĩnh hằng. Vì vậy, “mùa xuân chín” vừa thể hiện niềm háo hức, rạo rực, say mê của tác giả trước sự quyến rũ của mùa xuân, vừa cho thấy sự nuối tiếc khôn nguôi của nhà thơ trước quy luật của thời gian đời người. Hơn nữa, nhan đề ấy có cách kết hợp từ rất độc đáo nên gợi được sự tò mò, thu hút đối với người đọc.  ***1.2 Từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ***  ***\* Chuyển giao nhiệm vụ***  GV phát/ chiếu PHT và giao nhiệm vụ cho HS.  PHT số 2:    PHT số 3:    -GV chia lớp thành 6 nhóm. Và thực hiện KT theo trạm nhóm 3. Trạm 1 gồm 3 nhóm 1,2,3. Trạm 2 gồm 3 nhóm 4,5,6.  Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho từng nhóm. Các nhóm hoạt động trong thời gian 2p để thảo luận, bổ sung nội dung của nhóm mình thực hiện.  Nhóm 1: Tìm những từ ngữ, hình ảnh tiêu biểu, biện pháp tu từ miêu tả bức tranh thiên nhiên và hình ảnh con người ở khổ 1?  Nhóm 2: Tìm những từ ngữ, hình ảnh tiêu biểu, biện pháp tu từ miêu tả bức tranh thiên nhiên và hình ảnh con người ở khổ 2?  Nhóm 3: Tìm những từ ngữ, hình ảnh tiêu biểu, biện pháp tu từ miêu tả bức tranh thiên nhiên và hình ảnh con người ở khổ 3?  Nhóm 4: Xác định cách gieo vần, ngắt nhịp và tác dụng trong khổ thơ 1?  Nhóm 5: Xác định cách gieo vần, ngắt nhịp và tác dụng trong khổ thơ 2?  Nhóm 6: Xác định cách gieo vần, ngắt nhịp và tác dụng trong khổ thơ 3?  Bước 2: GV phát lệnh chuyển hàng để các nhóm di chuyển theo sơ đồ. (Các nhóm di chuyển sản phẩm của nhóm mình đến trạm tiếp theo) thời gian mỗi trạm là 5p    -GV: Đọc lại bài thơ và xác định:  + Từ ngữ hình ảnh tiêu biểu thể hiện bức tranh thiên nhiên và hình ảnh con người qua 3 khổ thơ đầu? Để miêu tả hình ảnh thiên nhiên và con người tác giả đã miêu tả qua những phương diện nào?  + Tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ nào? Nêu tác dụng của nó?  + Em hãy xác định cách gieo vần, ngắt nhịp của 3 khổ thơ đầu?  ***\*Thực hiện nhiệm vụ:***  HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm giáo viên giao.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - 1 HS đại diện lên thực hiện nhiệm vụ chỉ huy.  - Các HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung, phản biện (nếu có).  ***\* Kết luận, nhận định*:**  - GV nhận xét quá trình tương tác của HS. | **II. SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI**  ***1. Nét độc đáo về hình thức nghệ thuật của bài thơ***  ***1.1 Nhan đề bài thơ***  - Mùa xuân là danh từ kết hợp từ “chín” là tính từ.  - Gợi ra cảnh sắc mùa xuân ở độ tuổi tươi đẹp nhất, viên mãn nhất, tràn đầy sức sống.  ***1.2. Từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ***  ***\* Bức tranh thiên nhiên mùa xuân***  - Trạng thái “chín” được thể hiện qua các từ ngữ: Nắng ửng, lấm tấm vàng, giàn thiên lý, bóng xuân sang, song cỏ xanh tươi, bờ sông trắng, nắng chang chang, áo biếc…  **→ Không khí mùa xuân rạo rức, say đắm**  - Bài thơ có kết hợp ngôn ngữ thơ đặc biệt: Khói mơ tan, mùa xuân chín, bóng xuân sang, sóng cỏ, tiếng ca vắt vẻo.  -Hàng loạt từ tượng hình, từ tượng thanh: *Tiếng ca vắt vẻo lưng chừng núi; Hổn hển như lời của nước mây; Thầm thĩ với ai ngồi dưới trúc; Nghe ra ý vị và thơ ngây.*  **→Ngôn từ trong bài thơ đã gợi lên khung cảnh mùa xuân rực rỡ, tràn ngập ánh sáng, tươi đẹp, căng tràn sức sống.**  ***\*Hình ảnh con người***  -Hiện lên qua nét chấm phá hình ảnh ẩn dụ (tà áo biếc).  -Hiện lên trực tiếp “Bao cô thôn nữ hát lên trên đồi”.  -Hiện lên gián tiếp qua “tiếng ca”.  -Hiện lên trong ký ức của nhân vật trữ tình “Người chị gánh thóc”.  **→ Con người xúc động trước khung cảnh thiên nhiên, hòa mình vào thiên nhiên để vừa nâng niu trân trọng vẻ đẹp bình dị của cuộc sống, vừa trầm lắng, suy tư đầy trắc ẩn.**  ***1.3 Cách gieo vần, ngắt nhịp của bài thơ***  -Vần bằng: tan – vàng – sang; trời – đồi – chơi; mây – ngây.  - Ngắt nhịp: 4/3 như co lại với cách ngắt câu đột ngột bằng dấu chấm giữa dòng cuối khổi 1; ngân nga trải ra theo không gian xa rộng ở khổ 2; lắng lại theo cheiefu sâu và dư âm của tiếng hát tâm hồn ở khổ 3 với các từ láy tượng hình “vắt vẻo”, tượng thanh “hổn hển, thầm thĩ”. |
| **2. Tìm hiểu mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo** | |
| ***a.Mục tiêu:***  - Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua VB.  - Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.  ***b. Nội dung:*** HS đọc văn bản, làm việc cá nhân để tìm hiểu tình cảm, cảm xúc của tác giả dành cho những mầm cây qua ngôn ngữ văn bản.  ***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS.  ***d.Tổ chức thực hiện:*** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\*Chuyển giao nhiệm vụ***  -GV phát phiếu học tập số 4  -HS thực hiện nhiệm vụ theo PHT    GV sử dụng kỹ thuật công đoạn + kỹ thuật hỏi – đáp đặt câu hỏi gợi mở để tìm ra mạch cảm xúc của bài thơ.  +Hai dòng thơ “Ngày mai trong đám… bỏ cuộc chơi” là lời của ai. Hai dòng thơ ấy bộc lộ quan niệm, thái độ gì của “người nói” trước sự thay đổi của con người và mùa xuân?  + Trong khổ thơ thứ 4, em hãy phân tích tâm trạng, cảm xúc của nhân vật “khách xa”?  Gợi ý:  - Thế nào là “sực nhớ...”? Điều gì khiến cho “khách xa” “sực nhớ làng” và nhớ “chị ấy...”?  - Giữa “khách xa” (chủ thể của “nhớ”) với “làng”, “chị ấy” (đối tượng được “nhớ”) có khoảng cách như thế nào về không gian, thời gian?  - Nêu nhận xét/ cảm nhận về hình ảnh “làng” và “chị ấy” trong hai dòng thơ cuối.  - Theo em, hai dòng thơ là lời của ai nói với ai?  - Về hình thức, giữa hai dòng thơ cuối khổ thứ tư với hai dòng thơ cuối khổ thứ hai có điểm gì tương đồng, khác biệt? Về nội dung, giữa chúng có mối liên hệ gì với nhau?  -Theo em vị trí quan sát, miêu tả “mùa xuân chín” của tác giả ở 3 khổ đầu có sự thay đổi không? Nó có tác dụng gì trong việc thể hiện hình ảnh con người và thiên nhiên mùa xuân?  - Hình ảnh, biện pháp tu từ, vần, nhịp trong bài có mối liên hệ như thế nào với mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình?  -Từ đó em hãy khái quát cảm hứng chủ đạo của bài thơ trên?  ***\*Thực hiện nhiệm vụ:***  HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm giáo viên giao  **\* Báo cáo, thảo luận**  - 1 HS đại diện lên thực hiện nhiệm vụ chỉ huy.  - Các HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung, phản biện (nếu có).  ***\* Kết luận, nhận định*:**  - GV nhận xét quá trình tương tác của HS.  Gv chốt và bình:  Hình ảnh, nhịp và vần trong bài thơ có mối liên hệ với mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình:  - Là phương tiện để nhân vật trữ tình biểu lộ mạch cảm xúc của mình. Hình ảnh, nhịp, vần ở khổ thơ đầu tiên mang âm hưởng vui tươi, nhưng sau đó lại trở nên trầm buồn và có chút gì đó sâu lắng, đó là do có sự xuất hiện của bóng dáng “những cô thôn nữ” hát trên đồi, trong đó có bóng hình người con gái mà tác giả thầm mến. Mạch cảm xúc cũng vì vậy mà da diết, tha thiết hơn.  - Tất cả xuân sắc, xuân đẹp huy hoàng ấy chỉ là một ánh chớp kỷ niệm thoáng qua mà thôi. Cái còn lại, khiến người ta thêm buồn, đó là cái ký ức về xuân thì của “chị ấy” của ngày xa xưa. Cho nên, ở hiện tại, người khách xa sực nhớ cũng là để ngậm ngùi, tiếc thương – tiếc thương cho cái đẹp không biết bây giờ có còn không.  Mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình: Bài thơ mang dáng dấp một câu chuyện nhỏ được kể theo trình tự thời gian, từ quá khứ đến hiện tại với các mốc sự kiện trong cuộc đời con người. Dòng cảm nghĩ trữ tình của nhà thơ cũng men theo dòng tự sự này mà bộc lộ và cuối cùng đọng lại trong cái “giật mình” ở cuối bài thơ. Ngay từ nhan đề bài thơ đã gợi ra vẻ đẹp mùa xuân rực rỡ, tròn đầy. Động từ trạng thái “chín” kết hợp với danh từ “mùa xuân” gợi cho ta liên tưởng về một mùa xuân đang vào giai đoạn đẹp nhất, căng tràn sức sống nhất. Đồng thời, bộc lộ sự tiếc nuối của thi nhân trước cái đẹp không thể níu giữ, kéo dài vĩnh viễn. Mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình đi từ ngoại cảnh đến tâm cảnh. Mạch thơ được triển khai thông qua hệ thống hình ảnh, các biện pháp tu từ, sự phối hợp nhịp và vần trong toàn bộ bài thơ. Có thể thấy, nhân vật trữ tình vừa hòa mình với thiên nhiên, trân trọng, nâng niu những vẻ đẹp bình dị của cuộc sống, vừa có những phút giây thoát li khỏi thực tại để trắc ẩn, ưu tư. Vì thế, giọng điệu bài thơ cũng được biến chuyển liên tục để phù hợp với tâm trạng của nhân vật trữ tình. Khi thì tha thiết, say sưa khi thì bị ngưng lại, tạo sự lắng đọng trong cảm xúc. | **2. Tìm hiểu mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo**  **- Cảm xúc thể hiện trong các khổ 1, 2, 3:** Cảm xúc rạo rực, say mê, ngây ngất của tác giả trước thiên nhiên mùa xuân và lòng người. Tác giả như đang nâng niu, trân trọng vẻ đẹp bình dị của cuộc sống.  **- Cảm xúc thể hiện trong khổ 4:** Từ trạng thái rao rực đang dồn đẩy tới khâng khuâng, da diết nhớ thương, đầy nuối tiếc của tác giả.  **- Cảm hứng chủ đạo trong bài thơ:** Gợi tả bức tranh mùa xuân tươi sáng, hình ảnh thơ ngây, tràn đầy sức sống của các thiếu nữ; đồng thời thể hiện niềm bâng khuâng, nỗi buồn về quy luật trôi chảy của thời gian, của đời người |
| **3. Tìm hiểu kết cấu bố cục, chủ đề của bài thơ** | |
| ***a.Mục tiêu:***  - Nhận biết và phân tích được nét độc đáo về hình thức của bài thơ thể hiện qua bố cục, kết cấu, ngôn ngữ, biện pháp tu từ.  - Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng mà VB muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của VB; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.  - Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.  ***b. Nội dung:*** HS đọc văn bản, làm việc cá nhân để tìm hiểu tình cảm, cảm xúc của tác giả dành cho những mầm cây qua ngôn ngữ văn bản.  ***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS.  ***d.Tổ chức thực hiện:*** | |
| ***Hoạt động của GV và HS*** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\*Chuyển giao nhiệm vụ***  GV sử dụng kỹ thuật khăn phủ bàn để tìm hiểu kết cấu bố cục và chủ đề của bài thơ.  GV chiếu PHT trên màn hình để HS tìm hiểu.  - Phân tích một số nét đặc sắc của kết cấu bài thơ (Cách sắp xếp bố cục, cách triển khai mạch cảm xúc…)  Em hãy nêu chủ đề của bài thơ và liệt kê một số căn cứ giúp em nhận biết chủ đề bài thơ?  GV chiếu PHT lên màn hình để HS tiện trả lời.    ***\*Thực hiện nhiệm vụ:***  HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm giáo viên giao.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - 1 HS đại diện lên thực hiện nhiệm vụ chỉ huy.  - Các HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung, phản biện (nếu có).  ***\* Kết luận, nhận định*:**  - GV nhận xét quá trình tương tác của HS. | **3. Tìm hiểu kết cấu bố cục, chủ đề của bài thơ**  - Cách sắp xếp bố cục:  + Khổ mở đầu: Cảm xúc của tác giả trước cảnh thiên nhiên mùa xuân.  + Khổ 2+3: Cảm xúc của tác giả trước hình ảnh con người.  + Khổ cuối: Tâm trạng của lữ khách.  -Cách triển khai mạch cảm xúc:  + 3 khổ đầu: Cảm xúc rạo rực, say mê, ngây ngất của tác giả trước thiên nhiên mùa xuân và lòng người.  + Khổ cuối: Tâm trạng khâng khuâng, da diết nhớ thương, đầy nuối tiếc của tác giả.  -Cách kết hợp giữa miêu tả và biểu cảm: Qua các từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ đã thể hiện tâm trạng rạo rực, bâng khuâng, tiếc nuối của nhân vật trữ tình.  **→ Kết cấu:** **kết cấu chặt chẽ, sinh động, trở thành một chỉnh thể toàn vẹn để miêu tả bức tranh thiên nhiên tràn đầy sức sống, vui tươi của thiên nhiên và con người.** Đồng thời thể hiện niềm bâng khuâng, nỗi buồn về quy luật trôi chảy của thời gian, của đời người.  - Chủ đề được thể hiện qua hình thức nghệ thuật như:  + Giọng điệu thiết tha, sân lắng, vui tươi rạo rực.  + Bố cục, mạch cảm xúc  + Nhan đề  + Các biện pháp tu từ: các từ ngữ miêu tả, biểu cảm, nhân hóa…  **→ Chủ đề: Bức tranh thiên nhiên mùa xuân đẹp, xanh tươi, tràn đầy sức sống qua tình yêu tha thiết, mãnh liệt và nỗi nhớ nhung khắc khoải da diết của nhân vật trữ tình về một thế giới tươi đẹp giờ chỉ còn trong kí ức.** |
| 4. Khái quát đặc điểm thể loại và rút ra kinh nghiệm đọc | |
| a. Mục tiêu:   * Củng cố lại nội dung và nghệ thuật của bài thơ * Củng cố, hệ thống đơn vị tri thức mới về đặc điểm thể loại được thể hiện qua bài học. * Rút ra được kinh nghiệm đọc VB thơ.   b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về một số đặc điểm của thơ và cách đọc ứng với các đặc điểm ấy.  c. Tổ chức thực hiện: | |
| ***Hoạt động của GV và HS*** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\*Chuyển giao nhiệm vụ***  GV Sử dụng nhóm đôi để khái quát lại đặc trưng của thể loại thơ và cách đọc văn bản thơ.  Từ việc tìm hiểu Mùa xuân chín(Hàn Mặc Tử), em hãy khái quát một số đặc điểm của thể loại thơ (Hoăc: Hãy nêu một số đặc điểm của thể loại thơ?)  Để đọc và tìm hiểu một bài thơ em cần lưu ý những gì?   * *Thực hiện nhiệm vụ*: Nhóm 4 - 6 HS thực hiện nhiệm vụ. * *Báo cáo, thảo luận:* Đại diện 1 - 2 nhóm HS trình bày kết quả thực hiện. Các nhóm HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có). * *Kết luận, nhận định*: GV nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của các nhóm theo định hướng sau:  |  |  | | --- | --- | | Một số đặc điểm của thể loại thơ | Cách đọc | |  |  | |  |  | |  |  | |  |  | | **4. Khái quát đặc điểm thể loại và kinh nghiệm đọc**   |  |  | | --- | --- | | Một số đặc điểm của thể loại thơ | Cách đọc | | Từ ngữ, hình ảnh tiêu biểu | Tìm các từ ngữ, hình ảnh tiêu biểu —> suy luận ý nghĩa của chúng | | Thể thơ | Phân tích nét đặc sắc của hình thức nghệ thuật (thể thơ, cách gieo vần, ngắt nhịp, các biện pháp tu từ, cách triển khai mạch cảm xúc,...) —> làm rõ tác dụng đối với việc thể hiện nội dung tác phẩm | | Cách gieo vần, ngắt nhịp | | Các biện pháp tu từ,... | | Bố cục, mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo | Phân tích bố cục —> làm rõ mạch cảm xúc —> cảm hứng chủ đạo | | Chủ đề, thông điệp | Khái quát về chủ đề, thông điệp —> làm rõ chủ đề, thông điệp được thể hiện qua những yếu tố hình thức | |

**3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**

- Củng cố lại kiến thức đã học.

- Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức, đánh giá cá nhân do vản bản đã học mang lại.

- Biết lắng nghe và phản hồi tích cực trong giao tiếp.

**b. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**c. Tổ chức thực hiện**

***\* Chuyển giao nhiệm vụ:***

GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi “Vòng quay may mắn”

**Luật chơi:** Chia lớp thành hai đội. Mỗi đội tham gia theo lượt. Khi tham gia HS chọn ngẫu nhiên câu hỏi, thực hiện vòng quay. Trả lời đúng thì đạt điểm, trả lời sai thì quyền trả lời về đội bạn. Tổng kết đội nào nhiều điểm sẽ thắng.

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

HS tham gia trò chơi theo nhóm.

**\* Báo cáo thảo luận:** Các đội chơi lần lượt trả lời. Dựa vào số lượng đáp án đúng để phân địch thắng thua.

\* Kết luận, nhận định:

GV nhận xét chung về tinh thần, thái độ tham gia trò chơi và câu trả lời của HS, Gv. Gv định hướng tình cảm, nhận thức về lối sống chan hòa với thiên nhiên, lòng yêu quê hương gắn với tình thân.

**Hệ thống câu hỏi:**

**Câu 1:** Nhan đề Mùa xuân chín được cấu tạo bởi những loại từ nào?

A. Danh từ và động từ.

**B. Danh từ và tính từ.**

C. Số từ và tính từ.

D. Động từ và lượng từ.

D. Bài thơ thể hiện tình cảm yêu mến của nhà thơ trước thiên nhiên đất trời.

**Câu 2:** Sự vật nào dưới đây không xuất hiện trong khổ thơ đầu bài thơ Mùa xuân chín?

A. Làn nắng ửng.

B. Khói mơ tan.

**C. Đám mây hồng.**

D. Tà áo biếc.

**Câu 3:** Hình ảnh “đám xuân xanh” trong câu thơ “Ngày mai trong đám xuân xanh ấy” ẩn dụ cho điều gì?

A. Mùa xuân tươi đẹp của đất nước.

B. Những thế hệ măng non của đất nước.

**C. Những người trẻ tuổi.**

D. Môi trường xanh sạch đẹp.

**Câu 4:** Câu thơ “Tiếng ca vắt vẻo lưng chừng núi” sử dụng biện pháp tu từ nào?

A. Ẩn dụ, nhân hóa

B. So sánh, ẩn dụ

C. Hoán dụ, so sánh

**D. Nhân hóa, hoán dụ**

**Câu 5:** Tâm trạng của nhân vật trữ tình được thể hiện trong khổ thơ thứ tư là gì?

A. Buồn bã, tê tái, thê lương.

**B. Nhớ và nuối tiếc quá khứ.**

C. Hạnh phúc dâng tràn trước thiên nhiên.

D. Đau khổ vì bệnh tật dày vò.

**Câu 6:** Câu hỏi tu từ: “Chị ấy, năm nay còn gánh thóc/ Dọc bờ sông trắng nắng chang chang?” Thể hiện cảm xúc gì của tác giả Hàn Mặc Tử?

**A. Sự băn khoăn, nỗi lo âu cho hiện tại, cho sự phôi phai theo thời gian.**

B. Nỗi nhớ về một thời tươi đẹp đã xa.

C. Nỗi nghẹn ngào khi nghĩ về những thân phận cơ cực.

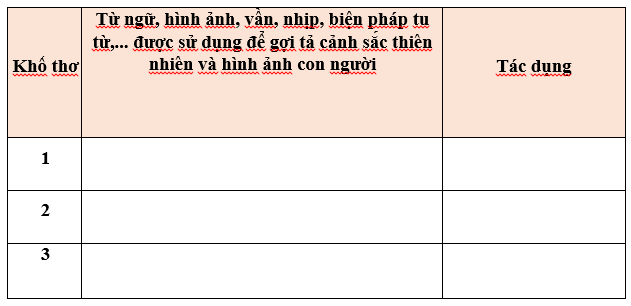
D. Sự uất ức khi cuộc sống không như ý nguyện.

**IV: HỒ SƠ HỌC TẬP**

PHT số 1: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung tìm hiểu** | **Thông tin tác giả, tác phẩm** |
| Tên khai sinh |  |
| Năm sinh, năm mất |  |
| Thành tựu văn học |  |
| Xuất xứ bài thơ |  |
| Thể thơ |  |
| PTBĐ |  |
| Bố cục |  |
| **NX chung:** | |

PHT số 2: Tìm hiểu từ ngữ, hình ảnh, BPTT… miêu tả cảnh sắc thiên nhiên và hình ảnh con người qua 3 khổ thơ đầu.



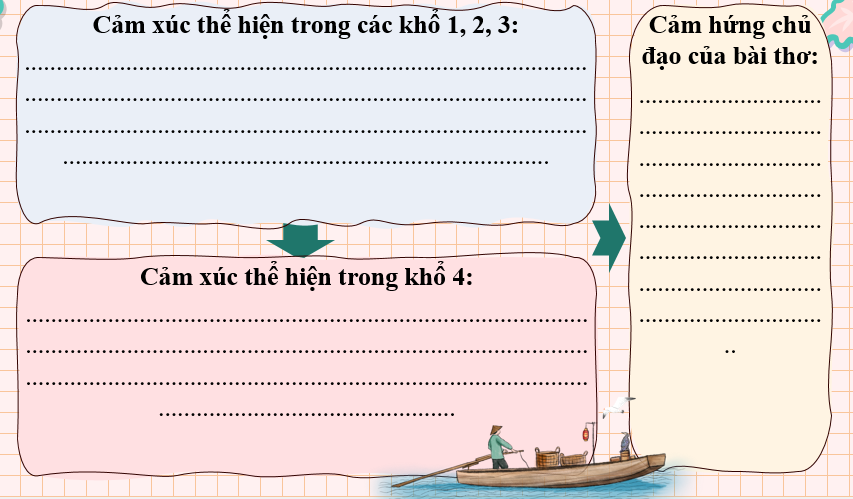
Gợi ý:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Khổ thơ** | **Từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ,... được sử dụng để gợi tả cảnh sắc thiên nhiên và hình ảnh con người** | **Tác dụng** |
| **1** | * *Từ ngữ, hình ảnh: Nắng ửng, khói mơ tan, đôi mái nhà tranh lấm tấm vàng, tà áo biếc, sột soạt* * *Biện pháp tu từ nhân hoá: gió trêu* * *Vần bằng: tan - vàng - sang* * *Ngắt nhịp: Ba dòng đầu ngắt nhịp 3/4 quen thuộc của thể thơ bảy chữ, nhưng đến dòng cuối thì nhịp thơ ngắn lại với dấu chấm câu đột ngột ở giữa dòng.* | *Gợi tả sinh động sự hiện diện của mùa xuân trong không gian - một bức tranh xuân tươi mới, tràn đầy sức sống được cảm nhận bằng nhiều giác quan (thị giác, thính giác,.) và cả cảm xúc say mê, rạo rực của tác giả trước “bóng xuân sang”.* |
| **2** | *“Sóng cỏ xanh tươi gợn tới trời*  *Cô thôn nữ đang độ xuân xanh, hát trên đồi”*   * *Từ ngữ, hình ảnh: cỏ xanh, cô thôn nữ* * *Hình thức lời dẫn trực tiếp: - Ngày mai trong đám xuân xanh ấy/ Có kẻ theo chồng bỏ cuộc chơi...* * *Vần bằng: trời - đồi - chơi* * *Nhịp thơ ngân nga, trải ra theo không gian xa rộng.* | *Gợi tả bức tranh xuân rộng lớn, giàu sức sống với sự xuất hiện của con người ở độ tuổi tươi đẹp, rạng ngời xuân sắc; thể hiện niềm dự cảm về quy luật trôi chảy của thời gian, đời người.* |
| **3** | * *Hàng loạt từ láy tượng hình, tượng thanh: Tiếng ca vắt vẻo lưng chừng núi; Hổn hển như lời của nước mây; Thầm thĩ với ai ngồi dưới trúc; Nghe ra ý vị và thơ ngây.* * *Vần bằng: mây – ngây.* | *Gợi tả sinh động những dấu hiệu “chín” của mùa xuân qua tiếng hát của tâm hồn.* |

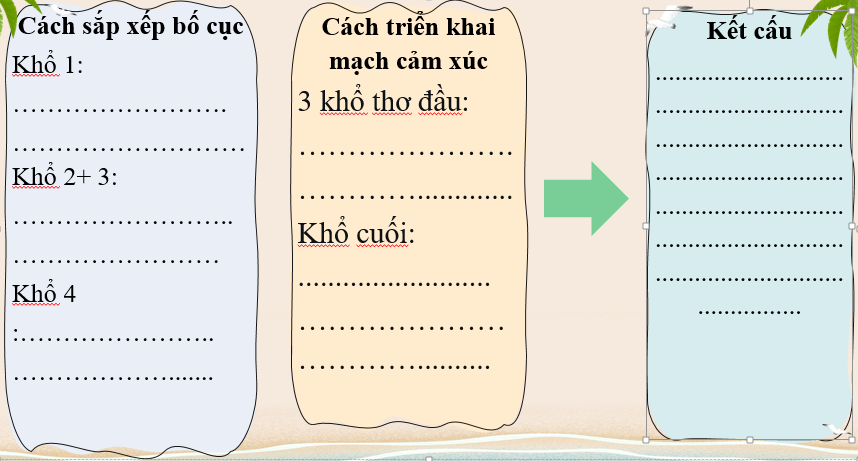
PHT số 3: Xác định cách gieo vần, ngắt nhịp trong bài thơ.



PHT số 4:



PHT số 5:



PHT số 6:

|  |  |
| --- | --- |
| Một số đặc điểm của thể loại thơ | Cách đọc |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |

**RÚT KINH NGHIỆM:**

**...................................................................................................................................**

**..................................................................................................................................**

**..................................................................................................................................**

**Ngày soạn: ....../...../.....**

**Ngày dạy: ....../...../......**

***ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM*:**

VĂN BẢN: ***KÍ ỨC TUỔI THƠ***

***An Viên***

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực đặc thù**

– Nhận biết và phân tích được mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của VB văn học.

– Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua VB.

– Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà VB muốn gửi đến  
người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của VB; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

– Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do VB đã học mang lại.

**1.2. Năng lực chung**

– Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.

– Năng lực giao tiếp, hợp tác: Biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ.

**2. Phẩm chất**

Trân trọng kí ức và gìn giữ niềm tin trong cuộc sống.

**II.THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** Máy tính, Tivi, bảng phấn, bảng nhóm, giấy A0…

**2. Học liệu:** SGK, SGV, SBT, PHT, sơ đồ, bảng biểu,…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU (… phút)** | | |
| ***a. Mục tiêu:***  - Tạo hứng thú cho HS, huy động tri thức nền, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập, tạo tâm thế tích cực cho HS khi vào bài học.  ***b. Nội dung:*** Cá nhân HS liệt kê một số từ khoá ra giấy ghi chú về ấn tượng/ cảm nhận tuổi thơ của bản thân em.  ***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS.  ***d. Tổ chức thực hiện:*** | | |
| **Giao nhiệm vụ học tập** | **Thực hiện nhiệm vụ học tập và báo cáo, thảo luận** | **Kết luận, nhận định** |
| - Gv tổ chức cho HS xem một số tranh ảnh về tuổi thơ để tìm hiểu các thông tin liên quan đến ấn tượng/ cảm nhận tuổi thơ của bản thân em. | **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS huy động tri thức nền, trải nghiệm cá nhân thực hiện yêu cầu được giao.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - HS trả lời cá nhân. | - GV nhận xét, tuyên dương những cá nhân tích cực tham gia hoạt động; dẫn dắt vào bài. |
| **HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (… phút)**  ***Đọc kết nối chủ điểm*: Văn bản *Kí ức tuổi thơ*** | | |
| ***a. Mục tiêu:***  – Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu nội dung VB.  – Liên hệ, kết nối với VB *Nhớ rừng, Mùa xuân chín* để hiểu hơn về chủ điểm của bài học (*Tiếng vọng những ngày qua*).  ***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời cho câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi* (trong SGK).  ***c. Tổ chức thực hiện:***   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Giao nhiệm vụ học tập** | **Thực hiện nhiệm vụ học tập & Báo cáo, thảo luận** | **Kết luận, nhận định** | | Nhóm 4 – 6 HS đọc kĩ VB, thảo luận và trả lời các câu 1, 2, 3 (trong SGK).  (Đã thực hiện cá nhân ở nhà bằng 3 PHT)  (1) Nêu nội dung bao quát và xác định bố cục của văn bản?  (2) Từ văn bản em hiểu kí ức tuổi thơ là gì và có ý nghĩa như thế nào trong đời sống tinh thần của mỗi người?  (3) Chia sẽ một kỉ niệm về kí ức tuổi thơ của em. | \* *Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự từ (1) 🡒(2). *Lưu ý*: HS chỉ thực hiện nhiệm vụ (2) sau khi đã báo cáo và nghe GV nhận xét, đánh giá xong nhiệm vụ (1).  \* *Báo cáo, thảo luận:* HS sẽ báo cáo kết quả hoạt động đọc tại nhà với các bạn trong lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có). | GV góp ý cho câu trả lời của HS, hướng dẫn HS kết luận theo định hướng tham khảo bên dưới: | | | |
| **Câu 1:**  – Nội dung bao quát: VB trình bày nhận thức của người viết về kí ức tuổi thơ và ý nghĩa của kí ức tuổi thơ trong cuộc sống mỗi người.  – Bố cục của VB:  + Từ đầu đến “… Ai cũng bảo, kí ức tuổi thơ dù vui hay buồn cũng đều có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong cuộc sống mỗi người”: Khái quát về ý nghĩa quan trọng của kí ức tuổi thơ trong cuộc sống mỗi người.  + Từ “Kí ức tuổi thơ là những kỉ niệm của thời thơ ấu … những món ăn vặt mùa nối mùa;...”: Trình bày nhận thức của người viết về khái niệm kí ức tuổi thơ.  + Từ “Kí ức tuổi thơ luôn diệu vợi, đẹp đẽ tựa hồ như những câu chuyện cổ tích … buông bỏ để tiếp tục sống cho hiện tại và hi vọng về tương lai tốt đẹp”: Trình bày ý kiến của tác giả về ý nghĩa cụ thể của kí ức tuổi thơ đối với mỗi người.  + Phần còn lại: Khái quát lại ý nghĩa của kí ức tuổi thơ đối với mỗi con người.  **Câu 2:** HS có thể trả lời theo nhiều cách khác nhau, gợi ý:  Kí ức tuổi thơ: những kỉ niệm thời thơ ấu khi chúng ta còn bé, vô lo vô nghĩ, hồn nhiên vui chơi tinh nghịch.  Mỗi người ai cũng có cho mình những kí ức tuổi thơ, dù vui dù buồn nhưng nó là một phần đáng nhớ theo ta đến suốt cuộc đời và hình thành nên con người của ta.  **Câu 3:** HS chia sẻ kỉ niệm về bạn bè, gia đình, thầy cô, gợi ý:  Tuổi thơ em là những tháng ngày cùng các bạn thả diều, chơi nhảy lò cò, bắn chim, bắt dế… Có lẽ kỉ niệm em nhớ nhất là những ngày thả diều trên triền đê lộng gió. Những chiếc diều tự làm xanh, đỏ, tím, vàng với những hình thù nguệch ngoạc của mấy đứa trẻ. Vừa chạy vừa thả những chiếc diều trên đê thật sảng khoái, đứa nào đứa nấy cười khoái chí, vui vẻ. Khi nhớ về kỉ niệm ấy, em thấy trong mình tràn ngập sự hạnh phúc, bồi hồi về một tuổi thơ tràn đầy tiếng cười. | | |
| **HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP VẬN DỤNG (……PHÚT)** | | |
| ***a. Mục tiêu:*** Củng cố lại kiến thức đã học.  ***b. Nội dung:*** Gv tổ chức trò chơi “Rung chuông vàng” để hướng dẫn học sinh củng cố kiến thức đã học  ***c. Sản phẩm học tập:*** Câu trả lời của HS, thái độ khi tham gia trò chơi  ***d. Tổ chức thực hiện:***  **\*Giao nhiệm vụ học tập:**  Gv tổ chức trò chơi “***Rung chuông vàng”*** để hướng dẫn học sinh củng cố lại kiến thức đã học.  **Câu 1.** Văn bản Kí ức tuổi thơ của tác giả nào?  A. Tô Hoài  B. Nguyễn Nhật Ánh  **C. An Viên**  D. Nguyễn Khuyến  **Câu 2.** Bố cục văn bản Kí ức tuổi thơ được chia thành mấy phần?  A. Hai phần.  **B.** Bốn phần  C. Năm phần  D. Ba phần  **Câu 3.** Nội dung bao quát của văn bản Kí ức tuổi thơ là gì?  A. Khái quát về ý nghĩa quan trọng của kí ức tuổi thơ trong cuộc sống mỗi người.  **B.** Nhận thức của người viết về kí ức tuổi thơ và ý nghĩa của kí ức tuổi thơ trong cuộc sống mỗi người.  C. Trình bày ý kiến của tác giả về ý nghĩa cụ thể của kí ức tuổi thơ đối với mỗi người.  D. Trình bày nhận thức của người viết về khái niệm kí ức tuổi thơ.  **Câu 4.** Văn bản Kí ức tuổi thơ được viết theo ngôi thứ mấy?  A. Thứ ba  B. Thứ nhất kết hợp thứ ba  C. Thứ hai  **D. Thứ nhất**  **Câu 5.** Theo tác giả, kí ức tuổi thơ là gì?  A. Là những kỉ niệm thời thơ ấu khi chúng ta còn bé.  B. Là những kỉ niệm thời thơ ấu hồn nhiên, tinh nghịch, chẳng có ưu tư phiền nào ngoài việc ăn, học, vui chơi,…  C. LàLà những kỉ niệm của bản thân trước hoàn cảnh khó khăn.  **D.** Là những kỉ niệm thời thơ ấu khi chúng ta vô lo vô nghĩ, hồn nhiên vui chơi tinh nghịch.  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Cá nhân HS thực hiện yêu cầu được giao.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - GV chọn hs giành quyền trả lời trước.  ***\*Kết luận, nhận định:***  Nhận xét câu trả lời của hs, tuyên dương hs trả lời đúng. | | |

**PHỤ LỤC**

***Phiếu học tập 1***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| VĂN BẢN: ***KÍ ỨC TUỔI THƠ*** | | |
| ***Nội dung bao quát:***  ***……………………………………………………………………………………………***  ***……………………………………………………………………………………………***  ***……………………………………………………………………………………………*** | | |
| ***BỐ CỤC*** | | |
| ***STT*** | ***Giới hạn*** | ***Nội dung*** |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

***Phiếu học tập 2***

|  |  |
| --- | --- |
| **KÍ ỨC TUỔI THƠ LÀ GÌ?**  …………………………….  ………………………………  ……………………………… | **Ý nghĩa của kí ức tuổi thơ trong đời sống tinh thần của mỗi người?**  ……………………………………………………………….  ………………………………………..…………………………  ………………………………………………………………… |

***Phiếu học tập 3***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Chia sẽ một kỉ niệm về kí ức tuổi thơ của em. | | |
| Với ai? | Thời gian? | Sự kiện chính |
| ……………………  …………………….  …………………….. | ……………………  …………………….  …………………….. | ……………………  …………………….  …………………….. |

**RÚT KINH NGHIỆM:**

**...................................................................................................................................**

**..................................................................................................................................**

**..................................................................................................................................**

**Ngày soạn: ....../...../.....**

**Ngày dạy: ....../...../......**

**BÀI 10: TIẾNG VỌNG NHỮNG NGÀY QUA**

**ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI:**

**SÔNG ĐÁY**

***Nguyễn Quang Thiều***

**I/ MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

***1.1. Năng lực đặc thù***

- Nhận biết và phân tích được mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của VB văn học.

- Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua VB.

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà VB muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của VB; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

- Nhận biết và phân tích được nét độc đáo về hình thức của bài thơ thể hiện qua bố cục, kết cấu, ngôn ngữ, biện pháp tu từ.

- Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do VB đã học mang lại.

***1.2. Năng lực chung:***

- Biết lắng nghe và phản hồi tích cực trong giao tiếp.

- Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân về học tập.

**2/ Phẩm chất**

- Trân trọng kí ức và gìn giữ niềm tin trong cuộc sống.

- Sống hoà hợp, thân thiện với thiên nhiên.

**II/ THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy tính, ti vi, giấy A0, …

- SGK, phiếu học tập, trò chơi, …

**III/ TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động mở đầu**

**a. Mục tiêu**:Kích hoạt kiến thức nền, tạo hứng thú cho HS khám phá, tiếp nhận bài học.

**b. Sản phẩm**: Câu trả lời của học sinh khi tham gia trò chơi

**c. Tổ chức thực hiện**

***Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:***

- Giáo viên tổ chức cho học sinh tham gia trò chơi **“Siêu trí nhớ học đường”**

Luật chơi: Cả lớp sẽ chuẩn bị giấy note (mỗi bạn 1 tờ), cô/thầy chiếu 1 “ma trận” những yếu tố thuộc 2 thể loại thơ và truyện, việc của các em là trong vòng 60 giây, vừa quan sát vừa cẩn thận ghi nhớ trong đầu. Hết thời gian quan sát, cô/thầy sẽ tắt “ma trận”, việc của các em là trong vòng 30 giây tiếp theo, nhanh chóng ghi lại những yếu tố cần khai thác khi học về thể loại thơ.

Hết thời gian qui định, bạn nào ghi đúng, đủ nhất sẽ là người chiến thắng.

Lưu ý: người chiến thắng tối thiểu phải ghi được 5 đáp án đúng, không chấp nhận đáp án sai chính tả.

***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tham gia trò chơi.

***Bước 3: Báo cáo, thảo luận:***

Gọi 1-2 HS đọc kết quả

GV đưa ra bảng kết quả

HS tự đối chiếu, tích vào đáp án đúng (hoặc chấm chéo giữa HS trong cùng 1 bàn, … là tùy GV)

***Bước 4: Kết luận, nhận định:***

- Nhận xét chung về tinh thần, thái độ tham gia trò chơi và câu trả lời của HS, GV dẫn dắt vào bài mới

**2. Hoạt động hình thành kiến thức mới (… phút)**

***Đọc mở rộng văn bản “Sông Đáy”***

**a. Mục tiêu:**

- Vận dụng kĩ năng đọc hiểu để bước đầu hiểu được bài thơ

- Nhận biết và phân tích được mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của VB văn học.

- Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua VB.

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà VB muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của VB; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

- Nhận biết và phân tích được nét độc đáo về hình thức của bài thơ thể hiện qua bố cục, kết cấu, ngôn ngữ, biện pháp tu từ.

- Biết lắng nghe và phản hồi tích cực trong giao tiếp.

- Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân về học tập.

**b. Sản phẩm:** PHT đã hoàn thành (Câu trả lời cho các câu hỏi Hướng dẫn đọc (trong SGK/130)).

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV & HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:***  \* Ở nhà:  Cá nhân HS đọc kĩ VB *Sông Đáy* và hoàn thành phiếu học tập (Hướng dẫn đọc (trong SGK/130)  \* Trên lớp:  - Nhiệm vụ 1: Đọc văn bản “Sông Đáy”  - Nhiệm vụ 2: Thảo luận sản phẩm đã chuẩn bị ở nhà theo nhóm 3-4 HS/nhóm (5 phút).  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  NV1: Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ  NV2: HS thực hiện NV theo nhóm  ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  NV1: GV gọi 1- 2 HS đọc VB, cả lớp nhận xét, xây dựng cho phần đọc của bạn.  NV2: Gọi ngẫu nhiên 1- 2 HS thuộc các nhóm khác nhau báo cáo kết quả nhiệm vụ học tập đã chuẩn bị ở nhà và sau thời gian thảo luận tại lớp – điểm đánh giá (nếu có) tính cho cả nhóm.  Cả lớp nhận xét, đánh giá dựa trên phần trình bày của bạn.  ***Bước 4: Kết luận, nhận định***  - NV1: GV nhận xét chung về cách đọc cùng nhận xét của HS dành cho nhau (độ trôi chảy, diễn cảm, …)  - NV2: GV nhận xét chung về báo cáo sản phẩm (PHT) HS đã chuẩn bị ở nhà, thái độ hợp tác trong làm việc nhóm, định hướng sản phẩm: Thông qua những yếu tố về hình thức, tác giả đã làm toát lên nội dung, chủ đề và thông điệp của bài thơ một cách tự nhiên mà sâu sắc: Hình ảnh sông Đáy gắn với tuổi thơ *(tiếng cá quẫy tuột câu như một tiếng nấc, nơi những chú bống đến làm tổ được giàn dụa nước mưa sông); g*ắn với hình ảnh người mẹ vất vả, lam lũ *(mẹ tôi gánh nặng rẽ vào ngõ sau mỗi buổi chiều đi làm về vất vả, mẹ già như cát bên bờ, ...)*  Sông và mẹ được gợi nhớ song song, hai mà như hòa làm một, *đời sông và đời mẹ; phù sa của dòng sông và phù sa của lòng mẹ,* ... (*Sông Đáy chảy vào đời tôi/Như mẹ tôi gánh nặng rẽ vào ngõ sau mỗi buổi chiều đi làm về vất vả/ Tôi dụi mặt vào lưng người đẫm mồ hôi mát một mảnh sông đêm hoặc: Toả mát xuống cơn đau tôi là tóc mẹ bến mòn đứng đợi*). Vì thế, nhìn thấy hình ảnh dòng sông cũng là được nhìn thấy mẹ (*Những chiều xa quê tôi mong dòng sông dâng lên ngang trời cho tôi được nhìn thấy/ Cho đôi mắt nhớ thương của tôi như hai hốc đất ven bờ, nơi những chú bống đến làm tổ được giàn dụa nước mưa sông*). Cuối bài thơ, “tôi” trò chuyện với Sông Đáy cũng là cách “tôi” gửi thương nhớ đến mẹ mình. Có thể nói, kí ức của tác giả hoà kí ức về mẹ vào kí ức về Sông Đáy… Trân trọng – biết ơn là tình cảm của tác giả | **1. Nội dung bao quát của bài thơ:**  Hình ảnh Sông Đáy và hình ảnh người mẹ trong tâm hồn nhà thơ.  **2. Một số đặc điểm về hình thức của bài thơ:**  - Thể thơ: tự do (gần với “thơ văn xuôi”);  - Cách gieo vần: không vần  - Cách ngắt nhịp: linh hoạt (theo dòng cảm xúc).  - Từ ngữ: chọn lọc, có những kết hợp mới lạ *(Sông Đáy chảy vào đời tôi; lưng người (mẹ) đẫm mồ hôi mát một mảnh sông đêm*; ...)  - Hình ảnh so sánh mang tính sáng tạo dựa trên các liên tưởng bất ngờ *(Năm tháng sống xa quê tôi như người bước hụt/ Cơn mơ vang lên tiếng cá quẫy tuột câu như một tiếng nấc/Âm thầm vỡ trong tôi, âm thầm vỡ cuối nguồn hoặc đôi mắt nhớ thương của tôi như hai hốc đất ven bờ, nơi những chú bống đến làm tổ được giàn dụa nước mưa sông)*  🡪 **Tác dụng:** ghi lại được những ấn tượng sâu đậm của tác giả về sông Đáy và về mẹ.  - Biện pháp tu từ: so sánh, điệp ngữ, … kết hợp từ ngữ cảm thán, hô ngữ 🡪 tình cảm trìu mến, thiết tha của tác giả.  **3. Hình ảnh con sông (Đáy):**  Thân thương, hiền hòa, gần gũi gắn liền với những kỉ niệm tuổi thơ và mẹ không thể nào quên  **4. Tình cảm của tác giả:**  Thể hiện ân nghĩa sâu xa đối với dòng sông - người mẹ tần tảo nuôi dưỡng, bồi đắp yêu thương, ... nuôi dưỡng, bồi đắp tâm hồn.  \* Mối quan hệ giữa hình ảnh dòng sông và người mẹ là mối quan hệ song hành soi chiếu vào nhau, làm nổi bật những phẩm chất tương đồng  **5. Chủ đề:** Tình cảm nhớ thương và lòng biết ơn sâu nặng đối với con sông quê hương và người mẹ của tác giả.  *\* Một số căn cứ để xác định chủ đề:*  - **Nhan đề** (*Sông Đáy*); **hình ảnh:** sông Đáy, người mẹ trở đi trở lại trong suốt bài thơ; **các chi tiết nghệ thuật** quan trọng như **hình ảnh so sánh, liên tưởng**, gợi nhắc về mẹ từ hình ảnh Sông Đáy; ...  - **Những từ ngữ** thể hiện kí ức, ấn tượng sâu sắc về quê hương qua **hình ảnh** sông Đáy và người mẹ; **tình cảm, cảm xúc** thương nhớ con sông và người mẹ của chủ thể trữ tình xưng “tôi”  **6. Thông điệp:** Hãy trân trọng, gìn giữ kí ức của tuổi thơ trong tâm hồn, nhất là khi kí ức ấy gắn với quê hương và với người mẹ đã sinh mình. |

**3. Hoạt động Luyện tập, Vận dụng (… phút)**

**a. Mục tiêu:**

- Củng cố lại tri thức thể loại, kiến thức vừa học

- Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do VB đã học mang lại.

- Biết lắng nghe và phản hồi tích cực trong giao tiếp.

- Sống hoà hợp, thân thiện với thiên nhiên.

**b. Sản phẩm:** Câu trả lời, tranh ảnh của HS

**c. Tổ chức thực hiện:**

***Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:***

**NV1**: \* Ở nhà: Dựa vào bài thơ, bằng tình cảm và trí tưởng tượng, cá nhân HS vẽ lại hình ảnh sông Đáy (hoặc cũng có thể vẽ hình ảnh dòng sông quê hương đã gắn bó với tuổi thơ của bản thân hoặc hình ảnh một con sông ở một tác phẩm văn học khác mà em biết đã để lại trong em ấn tượng khó quên). Chuẩn bị nội dung thuyết trình ngắn về bức tranh đã tạo (thời gian: 60 giây).

\* Ở lớp: Gọi ngẫu nhiên 2-3 HS trình bày sản phẩm, gọi ngẫu nhiên 2-3 HS trong lớp nhận xét, góp ý xây dựng cho bạn.

**NV2**: Tổ chức cho HS tham gia trò chơi **“Đội nào nhanh hơn?”**

Luật chơi: Lớp sẽ được chia thành 2 đội, mỗi đội gồm 6 nhóm nhỏ. Mỗi đội sẽ trả lời 6 câu hỏi, tổng thời gian vừa hỏi vừa trả lời là 6 phút. Mỗi câu trả lời đúng ghi được 10đ. Cách trả lời: GV gọi ngẫu nhiên 1 nhóm nhỏ bất kì trong đội cho đến hết. Đội nào có câu trả lời đúng nhiều nhất sẽ được chọn 1 phần quà từ GV (có thể là điểm/quà… là tùy GV nhưng nhớ: tất cả HS trong đội thắng đều phải có).

***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

- NV1: HS tiếp nhận nhiệm vụ

- NV2: HS tham gia trò chơi.

***Bước 3: Báo cáo, thảo luận:***

- NV1: Gọi ngẫu nhiên 2-3 HS trong lớp nhận xét, đánh giá sản phẩm.

- NV2: Các đội chơi lần lượt trả lời. Dựa vào số lượng đáp án đúng để phân định thắng thua.

***Bước 4: Kết luận, nhận định:***

- NV1: Nhận xét, góp ý xây dựng chung về tinh thần chuẩn bị sản phẩm tranh của HS, ghi nhận sự cố gắng của các em, có thể đánh giá bằng điểm số (nếu cần)

- NV2: Nhận xét chung về tinh thần, thái độ tham gia trò chơi và câu trả lời của HS, GV định hướng tình cảm, nhận thức và hành động của HS về lối sống chan hòa với thiên nhiên, lòng yêu quê hương gắn liền với tình thân…

*(Dưới đây là bộ câu hỏi trò chơi, GV linh hoạt lựa chọn số lượng hoặc thay đổi sao cho phù hợp với điều kiện thực tế dạy học cũng như thời gian tiết dạy…)*

Câu 1: Bài thơ “Sông Đáy” của Nguyễn Quang Thiều tập trung viết về điều gì?

A. Hình ảnh Sông Đáy và hình ảnh người mẹ trong tâm hồn nhà thơ

B. Cảnh đẹp của Sông Đáy

C. Kỷ niệm tuổi thơ của tác giả

D. Cuộc sống khó khăn của người dân ven sông

Đáp án: A

Câu 2: Đâu là thể thơ của bài thơ "Sông Đáy"?

1. Thơ lục bát B. Thơ tự do C. Thơ năm chữ D. Thơ bảy chữ
2. Đáp án: B

Câu 3: Bài thơ “Sông Đáy” có gieo vần không?

A. Có B. Không C. Chỉ rải vần ở một số câu D. Gieo vần linh hoạt Đáp án: B

Câu 4: Cách ngắt nhịp trong bài thơ "Sông Đáy" như thế nào?

A. Ngắt nhịp đều nhịp B. Ngắt nhịp linh hoạt theo dòng cảm xúc

C. Không ngắt nhịp D. Ngắt nhịp theo quy tắc cố định

Đáp án: B

Câu 5: Từ ngữ trong bài thơ "Sông Đáy" có đặc điểm gì?

A. Bình thường, dễ hiểu B. Chọn lọc, có những kết hợp mới lạ

C. Khó hiểu, trừu tượng D. Sử dụng nhiều từ Hán Việt

Đáp án: B

Câu 6: Câu thơ nào sau đây được xem là một hình ảnh so sánh mang tính sáng tạo trong bài thơ "Sông Đáy"?

A. "Sông Đáy chảy vào đời tôi"

B. "Mẹ tôi gánh nặng rẽ vào ngõ sau mỗi buổi chiều đi làm về vất vả"

C. "Âm thầm vỡ trong tôi, âm thầm vỡ cuối nguồn"

D. " Đôi mắt nỗi nhớ thương của tôi như hai hốc đất ven bờ, nơi những chú bống đến làm tổ được giàn dụa nước mưa sông"

Đáp án: D

Câu 7: Biện pháp tu từ nào được sử dụng nhiều trong bài thơ "Sông Đáy"?

A. So sánh B. Điệp ngữ C. Hoán dụ D. Nhân hóa

Đáp án: A

Câu 8: Hình ảnh con sông Đáy trong bài thơ được miêu tả ra sao?

A. Hùng vĩ, mạnh mẽ B. Thân thương, hiền hòa, gần gũi

C. Đáng sợ, nguy hiểm D. Lạnh lùng, vô cảm

Đáp án: B

Câu 9: Con sông Đáy gắn liền với điều gì trong bài thơ?

A. Những kỷ niệm tuổi thơ và hình ảnh người mẹ

B. Những thành thành phẩm lao động của con người

C. Những cuộc chiến tranh trong lịch sử

D. Những danh lam thắng cảnh của quê hương

Đáp án: A

Câu 10: Tình cảm của tác giả đối với dòng sông và người mẹ trong bài thơ “Sông Đáy” là gì?

A. Thờ ơ, lạnh nhạt B. Nhớ thương, trân trọng, biết ơn sâu sắc

C. Giận dữ, dũng cảm D. Sợ hãi, lo lắng

Đáp án: B

Câu 11: Mối quan hệ giữa hình ảnh dòng sông và người mẹ trong bài thơ "Sông Đáy" được thể hiện

A. tương phản, đối lập nhau B. Không liên quan đến nhau

C. Song hành, soi chiếu vào nhau, làm nổi bật những điểm tương đồng

D. Mâu thuẫn, xung đột với nhau

Đáp án: C

Câu 12: Chủ đề chính của bài thơ “Sông Đáy” là gì?

A. Tình yêu và nỗi nhớ của đôi lứa đang xa cách nhau

B. Tình cảm nhớ thương và lòng biết ơn sâu nặng đối với con sông quê hương của tác giả

C. Tình cảm nhớ thương và lòng biết ơn sâu nặng đối với con sông quê hương và người mẹ của tác giả

D. Tình cảm nhớ thương và lòng biết ơn sâu nặng đối với người mẹ tảo tần nơi quê nhà.

Đáp án: C

Câu 13: Căn cứ nào sau đây **không** dùng để xác định chủ đề của bài thơ "Sông Đáy"?

A. Nhan đề bài thơ

B. Hình ảnh, biểu tượng con Sông Đáy, người mẹ xuất hiện xuyên suốt bài thơ

C. Những từ ngữ thể hiện kỷ niệm, ấn tượng sâu sắc về quê hương, về mẹ

D. Số lượng câu thơ trong bài

Đáp án: D

Câu 14: Thông điệp mà tác giả muốn gửi giá trị qua bài thơ "Sông Đáy" là gì?

A. Hãy yêu thương và bảo vệ thiên nhiên

B. Hãy trân trọng, kỷ niệm tuổi thơ trong tâm hồn, nhất là khi kỷ niệm ấy gắn với quê hương và người mẹ

C. Hãy sống tích cực và lạc quan trong cuộc đời

D. Hãy học tập chăm chỉ để thành công trong tương lai

Đáp án: B

Câu 15: Trong bài thơ "Sông Đáy", tác giả đã sử dụng những yếu tố hình thức nào để làm nổi bật nội dung, chủ đề và thông điệp?

A. Dùng nhiều từ Hán Việt và điển tích

B. Dùng nhiều hình ảnh so sánh, liên tưởng, từ ngữ giàu cảm xúc

C. Dùng nhiều câu đối, thành ngữ, tục ngữ

D. Dùng nhiều thuật ngữ chuyên môn học và số liệu

Đáp án: B

Câu 16: Để đọc hiểu một văn bản thơ bất kì, ta cần chú ý đến các yếu tố nào sau đây?

A. Từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ, cách gieo vần, cách ngắt nhịp, thể thơ, số lượng khổ thơ, dòng thơ có trong bài.

B. Từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ, cách gieo vần, cách ngắt nhịp, thể thơ, chủ đề, thông điệp của bài thơ.

C. Từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ, cách gieo vần, cách ngắt nhịp, thể thơ, tình cảm, cảm xúc của tác giả.

D. Từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ, cách gieo vần, cách ngắt nhịp, thể thơ, đề tài, bố cục, nhân vật chính của bài thơ.

**PHIẾU HỌC TẬP SỬ DỤNG TRONG BÀI.**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Nội dung bao quát của bài thơ: | |
| 2. Một số đặc điểm hình thức của bài thơ | Tác dụng |
| Thể thơ |  |
| Từ ngữ đặc sắc |  |
| Hình ảnh (nổi bật/xuyên suốt, sáng tạo) |  |
| Biện pháp tu từ |  |
| Vần |  |
| Cách ngắt nhịp |  |
| 3. Phân tích hình ảnh con sông Đáy được gợi tả trong bài thơ. | |
| - Trong kí ức tuổi thơ: |  |
| - Gắn với hình ảnh mẹ |  |
| 4. Phân tích tình cảm, cảm xúc của người viết khi viết về sông Đáy. | |
| - Từ ngữ, câu thơ, hình ảnh, … thể hiện tình cảm gắn bó của người viết khi nhớ về sông Đáy |  |
| - Nhớ về sông Đáy lại song song nhớ về … |  |
| 🡪 Mối liên hệ giữa sông Đáy với mẹ và kí ức của người viết |  |
| 5.a. Chủ đề của văn bản: |  |
| 5.b. Căn cứ xác định chủ đề: |  |
| 6. Thông điệp của bài thơ: | |

**Bảng kiểm đánh giá sản phẩm cho hoạt động Luyện tập – Vận dụng:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tiêu chí đánh giá | Đạt | Chưa đạt |
| Vẽ lại được hình ảnh sông Đáy (hoặc cũng có thể vẽ hình ảnh dòng sông quê hương đã gắn bó với tuổi thơ của bản thân hoặc hình ảnh một con sông ở một tác phẩm văn học khác đã để lại ấn tượng khó quên). |  |  |
| Chuẩn bị nội dung thuyết trình ngắn về bức tranh đã tạo theo yêu cầu. |  |  |
| Thuyết trình đủ thời gian: 60 giây. |  |  |
| Bức tranh được tô màu đầy đủ, màu sắc hài hòa, ấn tượng. |  |  |

**RÚT KINH NGHIỆM:**

**...................................................................................................................................**

**..................................................................................................................................**

**..................................................................................................................................**

**Ngày soạn: ....../...../.....**

**Ngày dạy: ....../...../......**

**TIẾT...... THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

***SỰ PHÁT TRIỂN CỦA NGÔN NGỮ: TỪ NGỮ MỚI VÀ NGHĨA MỚI***

**I. Mục tiêu**

**1. Về năng lực:**

**a. Năng lực đặc thù**

Nhận biết và phân tích được sự phát triển của ngôn ngữ: Từ ngữ mới và nghĩa mới.

**b. Năng lực chung**

Năng lực giao tiếp, hợp tác: Thể hiện trong hoạt động làm bài tập nhóm đôi ở hoạt động *Thực hành tiếng Việt*.

**2. Về phẩm chất:**

- Nhân ái: yêu ngôn ngữ dân tộc.

- Chăm chỉ: chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi, hoàn thành các bài tập.

- Trách nhiệm: có trách nhiệm với nhiệm vụ được giao, cùng đội nhóm hoàn thành nhiệm vụ.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 9, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**GV áp dụng kĩ thuật KWL**

* Những điều đã biết về sự phát triển của ngôn ngữ
* Điều muốn tìm hiểu hoặc thắc mắc về sự phát triển của ngôn ngữ (từ ngữ mới và nghĩa mới).
* Những điều đã học được về sự phát triển của ngôn ngữ

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

***a. Mục tiêu:*** Nhận biết và phân tích được sự phát triển của ngôn ngữ: Từ ngữ mới và nghĩa mới.

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS đọc và thực hiện nhiệm vụ.

*\* Báo cáo, thảo luận:* Đại diện 1 – 2 HS trình bày sơ đồ tóm tắt và nêu câu hỏi. Các HS khác nghe, bổ sung (nếu có).

*\* Kết luận, nhận định*: GV nhận xét sơ đồ tóm tắt và trả lời câu hỏi của HS (nếu có).

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  Cá nhân HS đọc mục “Sự phát triển của ngôn ngữ: Từ ngữ mới và nghĩa mới” (trong SGK) và thực hiện những yêu cầu sau:  (1) Vẽ sơ đồ tóm tắt cách thức phát triển của ngôn ngữ ở phương diện từ vựng.  (2) Nêu câu hỏi về những điều em chưa rõ liên quan đến nội dung vừa đọc.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS hoàn thành sơ đồ  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | - Đại diện 1 – 2 HS trình bày sơ đồ tóm tắt và nêu câu hỏi. Các HS khác nghe, bổ sung (nếu có). |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**1. Hoạt động *Thực hành tiếng Việt***

***a. Mục tiêu:*** Nhận biết được sự phát triển của ngôn ngữ: Từ ngữ mới và nghĩa mới.

***b. Sản phẩm:*** Nội dung trả lời các bài tập 1, 2, 3, 4, 5 (trong SGK) của HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:*

(1) HS làm việc theo nhóm đôi để thực hiện các bài tập 1, 2, 3 (trong SGK).

(2) HS làm việc cá nhân để thực hiện các bài tập 4, 5 (trong SGK).

*\* Thực hiện nhiệm vụ:*

(1) Nhóm đôi HS thảo luận để thực hiện các bài tập 1, 2, 3 trên giấy A3 hoặc vào vở.

(2) Cá nhân HS thực hiện các bài tập 4, 5 vào vở.

*\* Báo cáo, thảo luận:*

(1) 1 – 2 nhóm trình bày các bài tập 1, 2, 3; các nhóm khác nhận xét, bổ sung, trao đổi.

(2) 1 – 2 HS trình bày bài tập 4, 5.

*\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét nội dung trả lời các bài tập của HS theo các định hướng tham khảo sau:

**Bài tập 1:** Các từ ngữ được cấu tạo theo mô hình *X* + *thông minh*: *điện thoại thông minh, lớp học thông minh, giàn phơi thông minh,…*

**Bài tập 2:** Mô hình cấu tạo các từ ngữ mới tương tự mô hình *X* *+ thông minh*:

– *X + nhân tạo*: *trí tuệ nhân tạo, mặt trời nhân tạo, đám mây nhân tạo,…*

*– X + ảo*: *lớp học ảo, không gian ảo, tiền ảo,…*

**Bài tập 3:**

Nghĩa của các từ ngữ được in đậm:

*–* Trong câu a1: ***cóc*** (*Con* ***cóc*** *là cậu ông trời*): động vật thuộc loài ếch, mõm ngắn, da xù xì, thường ở cạn, di chuyển bằng cách nhảy.

*–* Trong câu a2: ***cóc*** (*Chúng tôi thích la cà ở những quán* ***cóc*** *bên hè phố.*): (khẩu ngữ) nhỏ và không cố định ở một chỗ, có thể thay đổi địa điểm nhanh (ví như lối nhảy của  
con cóc).

*–* Trong câu b1: ***chữa cháy*** (*Nó trót làm sai nên bây giờ phải tìm cách* ***chữa cháy****.*):  
giải quyết việc cấp bách, cốt để tạm thời đối phó, chưa giải quyết vấn đề một cách căn bản.

*–* Trong câu b2: ***chữa cháy*** (*Lúc xảy ra hoả hoạn, đội cứu hoả đã đến kịp thời để****chữa cháy***.): dập tắt lửa của đám cháy để ngăn hoả hoạn.

Trường hợp a2 và b1 là các trường hợp từ ngữ được dùng theo nghĩa mới.

**Bài tập 4:** Sự độc đáo trong cách kết hợp từ ở các trường hợp đã cho:

a. ***Uống ánh trăng tan:*** *ánh trăng* được miêu tả như một loại chất lỏng, có thể *uống* được. Cách kết hợp từ ngữ ở đây vô cùng độc đáo, gây ấn tượng mạnh cho người đọc.

b. ***Sóng cỏ xanh tươi gợn tới trời:*** *sóng* vốn được dùng để chỉ hiện tượng mặt nước dao động, dâng lên, hạ xuống trông như đang di chuyển, chủ yếu do gió gây nên (*sóng biển, mặt hồ gợn sóng,...*). Tuy nhiên, trong trường hợp này, *sóng* được dùng với nghĩa “hiện tượng cả một khối lớn vận động, di chuyển trên một phạm vi rộng theo kiểu làn sóng” (*sóng cỏ*). Phạm vi chuyển động của làn sóng cỏ xanh tươi được mở rộng đến mức tối đa (*gợn tới trời*), vì thế câu thơ gợi nhiều cảm xúc cho người đọc, giúp người đọc hình dung rõ hơn về sự sinh động của khung cảnh.

c. ***Mùa xuân chín:*** *chín* vốn được dùng để miêu tả quả, hạt,… ở giai đoạn phát triển đầy đủ nhất, thường có màu đỏ hoặc vàng, có hương thơm, vị ngon (*vườn cam chín, lúa chín*,…). Tuy nhiên, trong trường hợp này, *chín* lại dùng để miêu tả mùa xuân. Cách kết hợp từ ngữ đặc biệt này tạo ra liên tưởng thú vị cho người đọc.

d. ***Sông Đáy chảy vào đời tôi:*** *đời tôi* không phải là một vùng không gian, vật chứa,… vì vậy, cách kết hợp *chảy vào* và *đời tôi* rất độc đáo, gợi liên tưởng mới mẻ cho độc giả.

**Bài tập 5:** Những cách kết hợp từ được đề cập đến ở bài tập 4 là sáng tạo của cá nhân các nhà thơ, không phải là cách diễn đạt mới của cả cộng đồng. Mặc dù ở trường hợp 4b, “sóng cỏ” không hẳn là cách kết hợp từ quá độc đáo (vì một trong các nghĩa (đã được ghi vào từ điển) của từ “sóng” là “hiện tượng cả một khối lớn vận động, di chuyển trên một phạm vi rộng theo kiểu làn sóng” và trong thực tế sử dụng ngôn ngữ có kết hợp từ “sóng lúa”), nhưng việc kết hợp “sóng cỏ xanh tươi” và “gợn tới trời” vẫn rất đặc biệt. Vì trong câu thơ này, phạm vi chuyển động của làn sóng cỏ xanh tươi được mở rộng đến mức tối đa (*gợn tới trời*), nên có thể gợi nhiều cảm xúc cho người đọc.

**2. Hoạt động khái quát nội dung bài học**

***a. Mục tiêu:*** Rút ra được những lưu ý khi vận dụng kiến thức về sự phát triển của ngôn ngữ: Từ ngữ mới và nghĩa mới vào thực tế giao tiếp.

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời miệng của HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS trả lời câu hỏi:

– Bài học này đem đến cho em những lưu ý gì trong quá trình sử dụng ngôn ngữ hằng ngày như đọc, viết, nói và nghe?

– Việc tìm hiểu sự phát triển của ngôn ngữ ở phương diện từ vựng giúp em hiểu thêm điều gì về ngôn ngữ trong dòng chảy cuộc sống hôm nay?

*\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ.

*\* Báo cáo, thảo luận:* Đại diện 1 – 2 HS trả lời.

*\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét câu trả lời của HS và giải đáp thắc mắc (nếu có). HS có thể trả lời theo nhiều cách khác nhau miễn là dựa trên mức độ nhận biết, thông hiểu của các em về đơn vị kiến thức mới của bài học, chẳng hạn như:

– Những lưu ý mà đơn vị kiến thức mới của bài học có thể mang đến cho HS trong quá trình sử dụng ngôn ngữ hằng ngày như đọc, viết, nói và nghe:

+ Cần cập nhật hiểu biết về những đơn vị từ ngữ mới xuất hiện.

+ Có thể vay mượn từ ngữ của tiếng nước ngoài để biểu đạt những khái niệm mới mà tiếng Việt chưa có từ ngữ tương đương để biểu đạt.

+ Khi tiếp nhận VB (đọc, nghe) nếu nhận thấy có những cách kết hợp từ mới lạ thì có thể dùng những hiểu biết về cách tạo nghĩa mới của từ do bài học cung cấp để giải mã nghĩa của những đơn vị từ ngữ ấy và xác định sự sáng tạo của tác giả trong cách sử dụng ngôn ngữ.

+ …

– Việc tìm hiểu sự phát triển của ngôn ngữ ở phương diện từ vựng cho thấy ngôn ngữ luôn phát triển để đáp ứng nhu cầu biểu đạt của con người trong cuộc sống,…

**RÚT KINH NGHIỆM:**

**...................................................................................................................................**

**..................................................................................................................................**

**..................................................................................................................................**

**Ngày soạn: ....../...../.....**

**Ngày dạy: ....../...../......**

**VIẾT:**

**VIẾT BÀI VĂN THUYẾT MINH VỀ MỘT**

**DANH LAM THẮNG CẢNH HAY DI TÍCH LỊCH SỬ**

1. **MỤC TIÊU**

1. Năng lực

1. Năng lực đặc thù

* Biết viết VB bảo đảm các bước: Chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.
* Viết được VB thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử, có sử dụng các sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh minh hoạ.

1. Năng lực chung

* Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.
* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ.

2. Phẩm chất

Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.

1. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

* Máy tính,Tivi, bảng phụ,...
* SGK, SGV, PHT
* Phiếu thu thập thông tin về danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử.
* Bảng kiểm đánh giá kĩ năng viết bài văn thuyết minh về danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

***a. Mục tiêu:*** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

***b. Sản phẩm:*** Suy nghĩ của HS

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *Em đã từng tham quan nhiều di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, trong đó em thích nhất di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh nào ? Em hãy chia sẻ về di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh đó?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, hỗ trợ  - HS suy nghĩ, trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS đọc, trình bày câu trả lời  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức, dẫn dắt vào bài mới  Ở bài 3, các em đã được học cách viết bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử. Bài học hôm nay, chúng ta cùng tiếp tục rèn luyện kỹ năng viết về kiểu bài ấy nhé! | - Học sinh quan sát lắng nghe và trả lời, tùy vào câu trả lời của học sinh mà gv có cách dẫn dắt vào bài cho phù hợp |

**2. HOẠT ĐỘNG** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

Hoạt động 1: Hoạt động kích hoạt hiểu biết nền về kiểu văn bản thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử.

a. Mục tiêu: Trình bày được hiểu biết nền liên quan đến kiểu VB thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về hiểu biết nền có liên quan đến bài học.

c. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ Kiểu bài thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử là kiểu bài như thế nào?*  *+ Từ đó, em hãy rút ra những yêu cầu cần đạt với kiểu bài thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử*  - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp, chỉ ra các đặc điểm kiểu bài thuyết minh Về một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ  - Gv quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  Đại diện 1 - 2 nhóm HS trình bày, các nhóm khác bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, bổ sung những điều học sinh chưa chắn chắn | **I. Tìm hiểu tri thức kiểu bài thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử .**  ***1. Khái niệm***  Thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử thuộc loại VB thông tin, được viết nhằm cung cấp thông tin cho người đọc về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử trên các phương diện: vị trí toạ lạc; lịch sử hình thành; đặc điểm kiến trúc, cảnh quan,...; giá trị văn hoá, lịch sử; cách thức tham quan,…  ***2. Yêu cầu***  - Giới thiệu khái quát danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử .  - Đưa ra được nhận xét, đánh giá, hoặc cảm nhận của người viết về danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử .  - Bài văn đảm bảo bố cục:  +Mở bài: giới thiệu khái quát về danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử .  + Thân bài: lần lượt trình bày các thông tin về danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử: vị trí toạ lạc và lịch sử hình thành...  + Kết bài: Đánh giá khái quát, phát biểu cảm nhận về danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử . |

**Hoạt động 2: Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản**

1. Mục tiêu:

* Phân tích được đặc điểm của kiểu bài thể hiện qua ngữ liệu tham khảo.
* Biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ.

1. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về đặc điểm của kiểu bài và các câu hỏi hướng dẫn phân tích ngữ liệu tham khảo (trong SGK).

***c. Tổ chức thực hiện*:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc văn bản (SGK – trang 131-133) và trả lời các câu hỏi hướng dẫn phân tích ngữ liệu tham khảo trả lời (trong SGK).  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ( thảo luận nhóm đôi)**  - Gv quan sát, hỗ trợ  - HS suy nghĩ, trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Đại diện 2 - 3 nhóm trình bày ý kiến. Các nhóm khác nhận xét, góp ý và nêu câu hỏi.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **II.Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản**  - Giới thiệu khái quát di tích lịch sử: Lăng Ông Bà Chiểu  - Trình bày thông tin liên quan đến di tích lịch sử như vị trí tọa lạc, lịch sử hình thành, đặc điểm kiến trúc, giá trị văn hóa lịch sử.  - Có sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ.  - Người viết nêu cảm nhận, đánh giá về di tích lịch sử và đưa ra lời mời gọi tham quan |

**Hoạt động 3: Hướng dẫn quy trình viết**

***a. Mục tiêu:*** Nắm được cách viết bài văn

***b. Sản phẩm học tập:*** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Chuẩn bị trước khi viết.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ Em chọn di tích lịch sử nào của quê hương ?*  *+ Em viết nhằm mục đích gì?*  *+ Người đọc có thể là ai? Họ muốn biết gì về di tích lịch sử này?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, trao đổi với bạn cùng bàn  -GV quan sát, gợi mở (em thấy kênh nào dễ nhìn, dễ nhớ hơn...)  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **- Gv tổ chức hoạt động**  - HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **NV2: Tìm ý, lập dàn ý**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  Xác định đề tài, mục đích, đối tượng người đọc, thu thập các thông tin liên quan đến di tích lịch sử  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, trao đổi với bạn cùng bàn  - GV quan sát, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động  - HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **NV3: Viết bài**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ GV phát bảng kiểm*  *+ Hs viết bài*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, trao đổi với bạn cùng bàn  - GV quan sát, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động  - HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **NV4: Chỉnh sửa và đọc lại bài viết**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ Sau khi viết xong, hai HS là 1 cặp sẽ dùng bảng kiểm để tự kiểm tra lẫn nhau. Hướng dẫn HS dùng Bảng kiểm để kiểm tra và điều chỉnh bài viết để tự kiểm tra, điều chỉnh bài viết của bản thân (thực hiện ở nhà hoặc trên lớp), nên dùng bút khác màu để tự điều chỉnh.*  *+ Cuối cùng, cho HS thảo luận, trình bày những gì đã học được từ quá trình viết của bản thân và từ những gì học hỏi được từ bạn về cách kể lại trải nghiệm của bản thân.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, trao đổi với bạn cùng bàn  - GV quan sát, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **- Gv tổ chức hoạt động**  - HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **III. Hướng dẫn quy trình viết**  **Đề bài:** Hưởng ứng tuần lễ văn hóa- du lịch do Sở Du lịch địa phương tổ chức, lớp em thực hiện một trang thông tin giới thiệu về những điểm đến của quê hương. Em hãy viết bài văn thuyết minh (khoảng 600 chữ) giới thiệu một di tích lịch sử của quê hương.  **1. Chuẩn bị trước khi viết**  - Xác định đề tài, mục đích, đối tượng người đọc  - Thu thập tư liệu.  **2. Tìm ý, lập dàn ý theo phiếu học tập**  **a. Tìm ý**  Tìm những thông tin quan trọng thể hiện nét độc đáo, đặc sắc, tiêu biểu của di tích lịch sử để tạo điểm nhấn cho nội dung thuyết minh.  **b. Lập dàn ý**  - Mở bài: giới thiệu di tích lịch sử , cảm xúc chung.  - Thân bài:  + Vị trí tọa lạc...  + Lịch sử hình thành...  + Đặc điểm kiến trúc...  + Giá trị văn hóa, lịch sử...  - Kết bài: Đánh giá khái quát, phát biểu cảm nhận về di tích lịch sử .  **3. Viết bài**  **4. Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.** |

1. **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

Hoạt động xác định đối tượng thuyết minh, mục đích, người đọc và thông tin cần thu thập

**a. Mục tiêu:** Xác định được đối tượng thuyết minh, mục đích viết, người đọc, thông tin cần thu thập cho bài văn.

**b. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về đối tượng thuyết minh, mục đích viết, người đọc,

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  HS đọc đề bài trong SGK, mục **Hướng dẫn quy trình viết,** trả lời các câu hỏi:   * Đề tài của bài viết là gì? * Em dự định viết bài này cho ai đọc, nhằm mục đích gì? * Với đối tượng và mục đích ấy, em dự định sẽ chọn cách viết như thế nào?   HS thảo luận, dự kiến những thông tin cần thu thập về danh lam thắng cảnh/ di tích lịch sử theo mẫu sau:  PHIẾU DỰ KIẾN THÔNG TIN CẦN THU THẬP VỀ DANH LAM THẮNG CẢNH/ DI TÍCH LỊCH SỬ  Tên của danh lam thắng cảnh/ di tích lịch sử:  Vị trí toạ lạc:  Quá trình hình thành, đặc điểm cảnh quan, giá trị văn hoá/ lịch sử, cách tham quan, ý kiến đánh giá của khách tham quan, người quản lí (nếu có),...  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:** Nhóm 4 - 6 HS thực hiện nhiệm vụ .  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:** Đại diện 1 - 2 nhóm HS trình bày câu trả lời trước lớp, cả lớp thảo luận, góp ý cho các loại thông tin mà các nhóm dự kiến thu thập.  (*Sau khi thu thập được thông tin, các nhóm đưa lên trang học tập của lớp để nhóm khác học hỏi và góp ý hoặc HS gửi các thông tin thu thập được cho GV góp ý*).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | - PHT của HS  PHIẾU DỰ KIẾN THÔNG TIN CẦN THU THẬP VỀ DANH LAM THẮNG CẢNH/ DI TÍCH LỊCH SỬ  Tên của danh lam thắng cảnh/ di tích lịch sử:  Vị trí toạ lạc:  Quá trình hình thành, đặc điểm cảnh quan, giá trị văn hoá/ lịch sử, cách tham quan, ý kiến đánh giá của khách tham quan, người quản lí (nếu có),... |

1. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, MỞ RỘNG (THỰC HIỆN TẠI NHÀ)
2. Mục tiêu:

* Vận dụng được quy trình viết bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử vào việc tạo lập VB.
* Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.

1. Sản phẩm: Bài viết của HS.
2. *Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS | DỰ KIẾN SẢN PHẨM |
| Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ  **-** Từ bài viết đã được đọc, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm trên lớp, GV cho HS về nhà lựa chọn một trong hai nhiệm vụ:   * Sửa bài viết cho hoàn chỉnh và công bố. * Chọn một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử khác để viết bài mới và công bố.   Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:Cá nhân HS về nhà thực hiện chỉnh sửa bài viết hoặc viết bài mới.  Bước 3:Báo cáo, thảo luận  HS công bố bài viết đã sửa hoặc bài viết mới trên blog cá nhân, trên trang web của lớp, trên bảng lớp học,...  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**   * GV nhận xét thái độ tích cực, chủ động và mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao của HS. * GV và HS tiếp tục sử dụng bảng kiểm đánh giá kĩ năng viết bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử để xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm đối với bài viết đã được công bố. | - Bài viết hoàn chỉnh của HS, đảm bảo các yêu cầu của bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử. |

Bài tham khảo:

**Văn Miếu Trấn Biên - Nơi lưu giữ lịch sử văn hóa phương Nam**

**Văn Miếu Trấn Biên** là di tích lịch sử nổi tiếng xứ Biên Hòa, Đồng Nai, gắn liền với công cuộc mở cõi về phương Nam của triều đình nhà Nguyễn. Trải qua hơn 300 năm lịch sử, nơi đây bảo tồn và gìn giữ, tôn vinh các giá trị văn hóa dân tộc đặc sắc của người phương Nam, qua đó góp phần quan trọng vào việc giáo dục lịch sử truyền thống cách mạng cho các thế hệ con cháu. Văn miếu này cũng đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là Di tích cấp quốc gia vào năm 2016.

**1. Lịch sử trăm năm của Văn Miếu Trấn Biên**

**Văn Miếu Trấn Biên** nằm tại phường Bửu Long, thuộc thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Đây được xem là “báu vật” vô giá chứa đựng những giá trị lịch sử, văn hóa của dân tộc Việt Nam.

**Văn Miếu Trấn Biên** Đồng Nai là văn miếu đầu tiên được xây dựng tại Đàng Trong vào năm 1715 dưới thời Chúa Nguyễn Phúc Chu, đánh dấu cho sự mở rộng và phát triển bờ cõi về phía Nam với mục đích để tôn vinh tư tưởng Nho giáo của Khổng Tử và các danh nhân văn hóa đất Việt, kính trọng hiền tài và tiếp nối các giá trị truyền thống văn hóa tốt đẹp của người xứ Đằng Trong thời bấy giờ.

Ban đầu văn miếu này được xây dựng tại thôn Tân Lại, tổng Phước Dinh, huyện Phước Chánh để Chúa Nguyễn Phúc Ánh tới hành lễ mỗi năm hai lần vào mùa xuân và mùa thu.

Sau năm 1802, khi chúa Nguyễn lên ngôi ở Huế thì vì khoảng cách xa xôi nên việc hành lễ tại **Văn Miếu Trấn Biên** được giao lại cho quan tổng trấn của thành Gia Định tiến hành cùng trấn quan Biên Hòa và quan đốc học.

**Văn miếu Trấn Biên** trải qua 2 lần trùng tu, xây sửa với lần trùng tu đầu tiên vào năm 1794. Đến năm 1852, **Văn Miếu Trấn Biên** được trùng tu lại lần thứ 2. Mỗi lần trùng tu, sửa chữa đều được thực hiện với quy mô lớn.

Đến năm 1861, **Văn miếu Trấn Biên** bị thực dân Pháp đốt phá khi tiến hành chiếm đánh vùng đất Biên Hòa. Mãi cho đến một thời gian dài hơn hơn 137 năm kể từ khi bị thực dân Pháp phá hủy, tức là năm 1998, Văn Miếu này mới được phục hồi và xây dựng lại một cách chỉnh chu. Đến năm 2002 thì chính thức hoàn thành và trở thành một dấu tích đặc biệt giữa lòng vùng đất Đông Nam Bộ.

Ngày xưa, văn miếu này là nơi đào tạo nhân tài để phục vụ cho quốc gia. Ngày nay, đây là nơi lưu giữ những giá trị văn hóa, lịch sử ý nghĩa, góp phần quan trọng vào công cuộc giáo dục truyền thống lịch sử của dân tộc cho các thế hệ sau. Không chỉ vậy, **Văn Miếu Trấn Biên** còn trở thành điểm du lịch tâm linh thu hút rất nhiều du khách trong hành trình khám phá Đồng Nai. Nơi đây được nhiều người dân và khách du lịch tới cúng dường để cầu thành công, may mắn trong cuộc sống.

**2. Kiến trúc độc đáo Văn Miếu Trấn Biên**

**Kiến trúc Văn Miếu Trấn Biên** được xây dựng theo lối kiến trúc tương tự với kiến trúc Văn Miếu Quốc Tử Giám ở Hà Nội và cũng theo hơi hướng kiến trúc kinh thành Huế xưa với các công trình chủ yếu như nhà thờ chính, sân hành lễ cùng với các chi tiết chạm khắc nổi trên mái vòm, cổng và nhà bia. Chi tiết kiến trúc đặc trưng này chịu sự ảnh hưởng nhiều từ Nho giáo, thể hiện tinh thần hiếu học, tôn sư trọng đạo của văn hóa người Việt.

Vừa đặt chân vào văn miếu đã cảm nhận được không gian thoáng đãng, thanh tịnh. Nổi bật là những mái ngói cong cong khảm đá xanh ngọc ẩn hiện giữa những vòm lá. Màu sắc của từng hàng ngói lưu ly xanh biếc trên mái vòm được xem là biểu tượng cho màu sắc của Văn Miếu Trấn Quốc - rất thanh tịnh, uy nghiêm.

Bao bọc xung quanh khuôn viên **Văn Miếu Trấn Biên** là từng hàng cây xanh tươi mát với dòng sông uốn lượn, tạo cảm giác thanh bình, mát mẻ cho bất kỳ ai ghé thăm văn miếu. Sự kết hợp hài hòa giữa vẻ đẹp kiến trúc và vẻ đẹp thiên nhiên đã tạo nên khung cảnh **Văn Miếu Trấn Biên** yên bình thu hút bao du khách chẳng nỡ rời đi.

Khi đến với **Văn Miếu Trấn Biên**, bạn sẽ nhìn thấy cổng đền rất cao lớn uy nghi với mái vòm vút cong, được chạm trổ các hoa văn lộng lẫy, khiến cho không gian văn miếu thêm phần uy nghi, linh thiêng.

Ngay phía sau cổng là khuôn viên chính của **Văn Miếu Trấn Biên** với khoảng sân đình rộng lớn. Khoảng sân chính này là nơi tổ chức các nghi lễ tại văn miếu và hoạt động dạy học. Khoảng sân được lát gạch men, chung quanh rợp bóng cây cổ thụ rất mát mẻ, thoáng đãng. Tiếp theo đó là các công trình độc đáo khác như Khuê Văn Các, hồ Tịnh Quang, nhà thờ chính cùng nhà bia thờ Khổng Tử.

Nhà thờ chính là công trình có diện tích và quy mô lớn nhất trong **Văn Miếu Trấn Biên**. Nhà thờ chính được xây dựng theo kiến trúc người Việt cổ xưa, lấy cảm hứng từ nhà ba gian hai chái. Nơi đây có cột nhà được treo đôi liễn đối, sàn nhà được lót gạch tàu, sơn son thiếp vàng… thể hiện sự cân đối, hài hòa. Trước lối vào nhà thờ chính là một tấm bia khổng lồ khắc dòng chữ nổi tiếng ‘Hiền tài là nguyên khí của quốc gia’ thể hiện sự quý trọng người tài.

Trong trung tâm **Văn Miếu Trấn Biên** là nơi thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh

cùng với biểu tượng trống đồng nằm ngay phía sau. Phía bên trái là nơi thờ các danh nhân văn hóa Việt Nam, còn bên phải là nơi thờ danh nhân của vùng đất Nam Bộ. Nơi đây còn trưng bày 18kg đất và 18 lít nước tượng trưng cho 18 đời vua HÙng, được mang về từ Đền Hùng (Phú Thọ). Ngoài ra, trong khuôn viên **Văn Miếu Trấn Biên** còn đặt nhà bia thờ Khổng Tử để mọi người lui tới cầu nguyện.

**3. Văn Miếu Trấn Biên - Nơi lưu giữ các giá trị văn hóa**

Với mục đích ban đầu xây dựng để gìn giữ và tôn vinh các giá trị văn hóa và giáo dục của vùng đất Biên Hòa nói riêng và người phương Nam nói chung, **Văn Miếu Trấn Biên** Đồng Nai lưu giữ rất nhiều các giá trị văn hóa của các danh nhân nổi tiếng, thể hiện sự vinh danh, tôn trọng người hiền tài.

Hàng năm, tại **Văn Miếu Trấn Biên** cũng tổ chức nhiều lễ hội để các thế hệ trẻ học tập , noi gương ông cha ta ngày xưa. Văn miếu này thể hiện rõ vai trò là trung tâm giáo dục, văn hóa của tỉnh Đồng Nai nói chung và vùng đất phía Nam nói riêng.

Vào năm 2016, **Văn Miếu Trấn Biên** đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là một Di tích lịch sử cấp quốc gia cần được bảo tồn và phát triển.

**4. Cách đi đến Văn Miếu Trấn Biên**

**Văn Miếu Trấn Biên** nằm trong một khuôn viên rộng với tổng diện tích lên đến hơn 15ha, thuộc địa phận phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Nơi đây cách trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh chỉ khoảng hơn 30km nên việc di chuyển tới đây rất dễ dàng và thuận tiện.

Xuất phát từ Thành phố Hồ Chí Minh, bạn có thể đi dọc theo tuyến đường Phạm văn Đồng qua cầu vượt Linh Xuân, sau đó chạy thẳng trên đường Quốc lộ 1K hướng về phía Bình Dương. Tới vòng xoay Cầu Hang thì rẽ trái theo lối thứ 3 để qua đường Nguyễn Ái Quốc. Tiếp tục đi thẳng qua cầu Hóa An sau đó rẽ trái vào đường Nguyễn Du. Chạy dọc theo đường Nguyễn Du thêm một chặng ngắn nữa bạn sẽ thấy **Văn Miếu Trấn Biên** Đồng Nai.

**5. Tham quan và vui chơi gì tại Văn Miếu Trấn Biên?**

**Văn Miếu Trấn Biên** hiện nay đang là một trong những địa điểm được rất nhiều khách du lịch lựa chọn để chiêm ngưỡng và tìm hiểu về các giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống của Việt Nam. Không chỉ thế, văn miếu này cũng có phong cảnh thiên nhiên mát mẻ, xanh tươi với những hàng cây rợp bóng mát. Khi đến đây, bạn sẽ được hòa mình vào không khí yên bình, trang nghiêm và chiêm ngưỡng vẻ đẹp vừa cổ kính vừa trang nhã của **Văn Miếu Trấn Biên**.

Ngoài ra, nơi đây cũng thường xuyên tổ chức nhiều hoạt động vui chơi, các lễ viếng những danh nhân nổi tiếng thời xưa, các lễ báo công và tuyên dương những tài năng của thế hệ hiện tại. Hòa mình vào không gian ấy, bạn sẽ rất đỗi tự hào khi chứng kiến những người con đất Việt đời đời nỗ lực, cố gắng vì sự phồn thịnh của đất nước.

Tại Văn Miếu Trấn Quốc hàng năm cũng tổ chức các hoạt động văn hóa dân gian như biểu diễn nghệ thuật, lễ hội, thả thuyền trên hồ… mang đậm bản sắc văn hóa truyền thống.

Không chỉ đơn thuần là nơi tôn vinh các danh nhân, gìn giữ các giá trị văn hóa, **Văn Miếu Trấn Biên** còn là không gian du lịch tâm linh thu hút rất nhiều du khách ghé đến. Nếu bạn mong muốn được chiêm ngưỡng vẻ đẹp cổ kính này, hãy đến để tham quan để cảm nhận trọn vẹn hơn.

(Trích nguồn https://www.traveloka.com/vi-vn/explore/destination/van-mieu-tran-bien/321629)

**RÚT KINH NGHIỆM:**

**...................................................................................................................................**

**..................................................................................................................................**

**..................................................................................................................................**

**Ngày soạn: ....../...../.....**

**Ngày dạy: ....../...../......**

**Nói và nghe:**

**TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT SỰ VIỆC CÓ TÍNH THỜI SỰ; NGHE VÀ NHẬN BIẾT TÍNH THUYẾT PHỤC CỦA MỘT Ý KIẾN**

**I. MỤC TIÊU**

Sau khi học xong bài này, HS có thể:

***1. Về kiến thức:***

- Biết trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự trong cuộc sống.

- Nghe và nhận biết được tính thuyết phục của một ý kiến.

- Chỉ ra được những ưu điểm và hạn chế của ý kiến đó như: lập luận thiếu logi, bằng chứng chưa đủ thuyết phục hoặc không liên quan.

***2. Về năng lực:***

*a. Năng lực đặc thù*

- Biết trình bày suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về vấn đề, sự việc có tính thời sự trong cuộc sống.

- Biết lắng nghe và nhận biết và chọn lọc được tính thuyết phục của bài viết.

- Biết nhận xét, đánh giá những ưu điểm, hạn chế của ý kiến.

*b. Năng lực chung*

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

***3. Về phẩm chất:***

Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở nhà trường vào học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Sự chuẩn bị của giáo viên:**

- SGK, SGV NV 9 tập 2.

- Máy chiếu/ bảng phụ

- Phiếu học tập

- Rubric đánh giá theo tiêu chí và bảng kiểm.

Video 1: Làm thế nào để trẻ em sử dụng MXH có hiệu quả?

https://youtu.be/E3eGrPisdCg

Bài viết: 5 bài học giúp cha mẹ thay đổi cách tương tác với con

https://vnexpress.net/5-bai-hoc-giup-cha-me-thay-doi-cach-tuong-tac-voi-con-4718685.html

**2. Sự chuẩn bị của học sinh:**

- SGK. SBT Ngữ văn 9.

- Phiếu chuẩn bị bài ở nhà.

- Tập, vở ghi.

- Phiếu thảo luận nhóm.

**III. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC**

**A. Hoạt động: Mở đầu**

**1. Hoạt động khởi động**

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

- HS kết nối kiến thức đã chuẩn bị ở nhà, kiến thức của cuộc sống vào bài học.

- Kích thích kiến thức nền về kỹ năng trình bày được ý kiến về một sự việc có tính thời sự, nghe và nhận biết được tính thuyết phục của một ý kiến.

- Xác định được những tình huống giao tiếp sử dụng hai kỹ năng trên.

- Nội dung:

+ Gv gửi video 1 và video 3 cho HS xem trước tại nhà để chuẩn bị bài cho ngày hôm sau.

+ GV yêu cầu HS xem video 1, 3, HS theo dõi, lắng nghe và trả lời câu hỏi của GV

-Câu hỏi: Video trên đề câp đến vấn đề gì? Nó có biểu hiện như thế nào? Theo em nó có quan trọng trong cuộc sống không?

b. Sản phẩm:

HS xác định được nội dung của tiết học là trình bày được một ý kiến mang tính nóng bỏng, thời sự; nghe và nhận được tính thuyết phục của một ý kiến.

c. Tổ chức thực hiện:

*\*Giao nhiệm vụ học tập:*

- GV tổ chức chia lớp thành 4 nhóm (4 tổ). 2 nhóm sẽ cùng thực hiện một sự việc mang tính thời sự.

+ Nhóm 1, 3: thực hiện sự việc 1: Giới trẻ/ học sinh cần sử dụng mạng xã hội như thế nào cho hiệu quả?

+ Nhóm 2, 4: thực hiện sự việc 2: Biện pháp tạo nên môi trường học đường an toàn, thân thiện?

- 2 nhóm HS sẽ thảo luận và thực hiện những nhiệm vụ sau:

+ 2 nhóm HS sẽ thực hiện bốc thăm: 1 nhóm sẽ trình bày ý kiến, nhóm còn lại sẽ nghe và nhận biết tính thuyết phục của ý kiến đó bằng bằng cách nghe và ghi chép phần trình bày của nhóm bạn. Nhận xét tính thuyết phục của ý kiến nhóm bạn đưa ra, chỉ ra những hạn chế trong lập luận và bằng chứng. Có thể đặt câu hỏi cho nhóm bạn (nếu có).

*\*Thực hiện nhiệm vụ:* Các nhóm tiến hành thực hiện nhiệm vụ GV yêu cầu*.*

*\* Báo cáo thảo luận:*  Nhóm trình bày sẽ lên báo cáo sản phẩm thảo luận của nhóm mình. Nhóm còn lại sẽ lắng nghe, nhận xét và nêu câu hỏi nếu có.

\*Kết luận, nhận định: GV nhận xét câu trả lời của HS và giới thiệu bài học.

**2. Hoạt động xác định nhiệm vụ nói và nghe**

a. Mục tiêu: Xác định được nhiệm vụ nói và nghe cần thực hiện trong bài học.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về nhiệm vụ nói và nghe cần thực hiện trong bài học.

c. Tổ chức thực hiện:

* Giao nhiệm vụ học tập: Cá nhân HS đọc SGK và trả lời câu hỏi: Trong bài học này, em sẽ thực hiện hoạt động gì?
* Thực hiện nhiệm vụ: Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập.
* Báo cáo, thảo luận: Đại diện 1 - 2 HS trả lời câu hỏi.
* Kết luận, nhận định: GV nhận xét và nhắc lại nhiệm vụ:

Nhiệm vụ nói: Chọn một sự việc có tính thời sự liên quan đến đời sống học đường và trình bày ý kiến về sự việc ấy.

+Sự việc 1: Giới trẻ/ học sinh cần sử dụng mạng xã hội sao cho hiệu quả?

+Sự việc 2: Biện pháp tạo nên môi trường học đường an toàn, thân thiện?

Nhiệm vụ nghe: Nghe và ghi chép phần trình bày của bạn và nhận xét về tính thuyết phục của ý kiến bạn đã đưa ra, chỉ ra những hạn chế (nếu có) về lập luận, bằng chứng.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

|  |  |
| --- | --- |
| ***1. Trong vai trò của người nói*** | |
| **Mục tiêu:**  - HS xác định được mục đích nói và người nghe  - Chuẩn bị nội dung nói và luyện nói  **Nội dung:**  -GV hỏi và nhận xét câu trả lời của HS  -HS trả lời câu hỏi của GV | |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\*Chuyển giao nhiệm vụ:* GV cho HS xác định yêu cầu sau:  Bước 1: Chuẩn bị trước khi nói  Đề tài bài nói, mục đích nói là gì? Người nghe là ai? Trình bày bài nói trong bao nhiêu lâu? Chọn cách trình bày như thế nào cho phù hợp.  *\*Thực hiện nhiệm vụ:*  - HS của lớp phân theo nhóm bầu ra nhóm trưởng.  -Dự kiến KH: Lớp chia thành 4 nhóm: 2 nhóm thực hiện thảo luận theo sự việc đã được bốc thăm.  - So đó HS lập dàn ý theo sơ đồ để thảo luận   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Nên… vì… | | Không nên … vì | | | Luận điểm 1: … | Lý lẽ, bằng chứng… | Luận điểm 1: … | Lý lẽ, bằng chứng… | | Luận điểm 2: … | Lý lẽ, bằng chứng… | Luận điểm 2: … | Lý lẽ, bằng chứng… | | … | … | … | … |   *\*Thảo luận báo cáo:*  - HS trình bày kết quả đã thảo luận của nhóm.  - Thư kí ghi chép và tổng hợp các ý kiến theo mẫu bên dưới  - Phản hồi ý kiến: Lắng nghe và phân tích những điểm hợp lí và chưa hợp lí. Sau đó thống nhất ý kiến.  - Tự đánh giá kỹ năng nói của bản thân và các bạn trong nhóm bằng bảng kiểm sau:    Bước 2: Trình bày  - Trình bày bài nói dựa trên nội dung đã chuẩn bị tương tác tích cực với người nghe bên dưới, đảm bảo thời gian quy định. Sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ để bài nói thuyết phục.  Bước 3: Trao đổi và đánh giá  - Lắng nghe và ghi nhận lại câu hỏi của nhóm bạn, trao đổi lại với thái độ nhã nhặn lịch sự, bày tỏ quan điểm của mình nhưng cần tôn trọng sự khác biệt về quan điểm của người nghe.  *\*Kết luận, nhận định:*  GV: Nhận xét phần trình bày của nhóm HS sau đó chuẩn sau nội dung tiếp. | **1. Chuẩn bị**  -Thành lập nhóm và phân công công việc.  -Nhóm 1 hoặc 3: Sự việc 1: làm thế nào để tương tác mạng xã hội hiệu quả?  Nhóm 2 hoặc 4: Làm thế nào để xây dụng môi trường học đường an toàn, thân thiện.  - Chuẩn bị nội dung buổi thảo luận:  + HS đọc lại VB, tìm hiểu kĩ nhân vật, chuẩn bị lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ quan điểm  -Thống nhất mục tiêu và thời gian thảo luận  **2: Tập luyện**  - Đại diện nhóm sẽ trình bày ý kiến thống nhất của nhóm mình dựa trên những lí lẽ, dẫn chứng mà các nhóm đã tranh luận, phản biện.  - HS tập nói một mình trước gương.  - HS tập nói trước nhóm/tổ. |

|  |  |
| --- | --- |
| ***2. Trong vai trò người nghe*** | |
| **Mục tiêu:**  - HS xác định được mục đích và nội dung của bài nghe của mình về vấn đề gì?  - Chuẩn bị nội dung trước nội dung của bài thuyết trình để chủ động trong quá trình ghi chép, trao đổi.  - Chuẩn bị dụng cụ cần thiết (bút, sổ tay, bảng nhóm…)  **Nội dung:**  -GV hỏi và nhận xét câu trả lời của HS  -HS trả lời câu hỏi của GV | |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| Bước 1: Chuẩn bị trước khi nghe  -2 nhóm nghe cũng sẽ tìm hiểu nội dung của bài thuyết trình mình: Bàn về vấn đề gì? Mục đích? Giải pháp thực hiện…  - 2 nhóm sẽ tiến hành lắng nghe ý kiến của nhóm bạn và ghi chép lại.  - Tiến hành thảo luận để thống nhất ý kiến và góp ý bài trình bày của nhóm bạn.  Bước 2: Nghe, tóm tắt nội dung được trình bày.  HS trong nhóm tiến hàng lắng nghe và tóm tắt lại nội dung bài của nhóm bạn.  Ghi lại những ưu điểm, hạn chế, những câu hỏi cần trao đổi với nhóm bạn trình bày.  Bước 3: Đọc lại, chỉnh sửa và chia sẻ  -Đọc lại phần ghi chép, trao đổi với các bạn trong nhóm để thống nhất, điều chỉnh và bổ sung nếu có.  -Chỉ ra ưu điểm, hạn chế trong bài của nhóm bạn, nêu những câu hỏi để trao đổi.  - Tự đánh giá kỹ năng nghe của bản thân và các bạn trong nhóm bằng bảng kiểm sau:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Tiêu chí | | Đạt | C.Đạt | | Chuẩn bị trước khi nghe | Xác định mục đích nghe |  |  | | Tìm hiểu trước chủ đề bài thuyết trình |  |  | | Nghe và ghi chép | Nhận biết được tính thuyết phục của ý kiến và hạn chế của lập luận (nếu có). |  |  | | Ghi được những câu hỏi cần trao đổi với người trình bày ý kiến. |  |  | | Ghi được ý chính của ý kiến. |  |  |   - Yêu cầu HS đánh giá theo bảng kiểm  Hướng dẫn HS đóng vai trò người nghe, ghi lại  + 3 ưu điểm về phần tóm tắt của bạn  + 2 hạn chế  + 1 đề xuất thay đổi, điều chỉnh bài nói  **\****Thực hiện nhiệm vụ*  GV**:** Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo bảng kiểm  HS ghi nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn ra giấy.  *\* Thảo luận, báo cáo*  - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá.  - HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói.  *\* Kết luận, nhận định*  - GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét nhận xét của HS và kết nối sang hoạt động sau. | -Ghi được ý chính của sự việc nhóm bạn trình bày.  -Ghi lại những ưu điểm, hạn chế bài của nhóm bạn.  -Ghi lại những câu hỏi cần trao đổi của nhóm bạn.  - Đánh giá được bài nghe của mình và nhóm mình. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

**b) Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao.

**c) Sản phẩm:** Đáp án đúng của bài tập.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS. Gv chia nhóm lớp thành 2 chủ đề để giải quyết bài tập

Chủ đề 1: Làm thế nào để con cái tương tác hiệu quả với cha mẹ?

Chủ đề 2: Điểm số có thật sự quyết định năng lực học tập của bạn?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS trao đổi, bày tỏ ý kiến; tìm kiếm lí lẽ, dẫn chứng để bảo vệ ý kiến

- HS liệt kê một số việc giúp học tốt môn Ngữ văn như (luyện đọc nhiều, tập trung và dành thời gian đọc lại, tập trung nghe và tránh làm việc riêng và ghi chép bài đầy đủ, gạch dưới ý chính và sử dụng sơ đồ tư duy...)

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS.

**Hoạt động 4: Củng cố, mở rộng**

**1. Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

**2. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**3. Sản phẩm:** Sản của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

**4**. **Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)

Bài tập: HS Thực hiện 2 chủ đề trên ở nhà và gửi bài cho các nhóm khác và GV kiểm tra.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

- 2 nhóm nói trên lớp sẽ thực hiện nhiệm vụ nghe. 2 nhóm nghe trên lớp sẽ thực hiện nhiệm vụ nói.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

**RÚT KINH NGHIỆM**

**………………………………………………………………………………….**

**………………………………………………………………………………….**

**………………………………………………………………………………….**

**Ngày soạn: ....../...../.....**

**Ngày dạy: ....../...../......**

**BÀI 10: TIẾNG VỌNG NHỮNG NGÀY QUA**

**Tuần 35 Tiết : ÔN TẬP**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Vận dụng được các năng lực để thực hiện các nhiệm vụ ôn tập

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân*.*

**2. Phẩm chất:**

-Trách nhiệm: Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1.Thiết bị dạy học**

- KHBD, SGK, SGV, SBT, tranh ảnh

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0,

**2.Học liệu**

-Phiếu học tập, ngữ liệu trong SGK

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động xác định vấn đề**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để thực hiện hoạt động khởi động.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CÁC BƯỚC** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM**  **DỰ KIẾN** |
| **Chuyển giao nhiệm vụ** | - GV đặt câu hỏi:  ? *Sau khi học xong chủ đề 10, em đã được cung cấp thêm kiến thức liên quan đến nội dung gì?*  *-*HS tiếp nhận nhiệm vụ | Câu trả lời của HS |
| **Thực hiện nhiệm vụ** | - HS suy nghĩ, trả lời  - GV quan sát, lắng nghe |
| **Báo cáo /Thảo luận** | - HS trình bày trải nghiệm cá nhân  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. |
| **Kết luận/ nhận định** | - GV nhận xét, đánh giá  - GV dẫn vào bài Ôn tập |

**2.Hoạt động hình thành kiế thức (ôn tập)**

**a. Mục tiêu:** Ghi nhớ và vận dụng những kiến thức đã học trong ***bài 10***

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CÁC BƯỚC** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM**  **DỰ KIẾN** |
| **I.Ôn tập** | | |
| **1.Ôn tập về đọc và thực hành tiếng Việt** | | |
| **Chuyển giao nhiệm vụ** | -GV chuyển giao nhiệm vụ học tập  *+ Nhiệm vụ 1: Thảo luận nhóm*  *Nhóm 1+3: Câu 1 / SGK.Tr.138* hoàn thành PHT số 1   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Văn bản** | **Đặc điểm các yếu tố hình thức** | **Sự phù hợp** **trong việc thể hiện nội dung** | | *Nhớ rừng* |  |  | | *Mùa xuân chín* |  |  | | *Sông đáy* |  |  |   Nhóm 2+4: Câu 2 / SGK/ 138 (làm ở nhà,) theo PHT số 2    +Nhiệm vụ 2: Câu 5/sgk trang 139: HS lên bảng liệt kê  -HS tiếp nhận nhiệm vụ | **Câu 1**.  PHT số 1  **Câu 2**.  PHT số 2  **Câu 4.**  - Xu cà na: ý nghĩa xui xẻo, mệt mỏi, buồn phiền đến mức độ chua chát.  - Ú òa: chỉ hành động gây bất ngờ, ngạc nhiên khiến người ta có thể "ngã ngửa".  - Ao chình: từ này mang hàm nghĩa chỉ một người có kỹ năng, trình độ vượt xa các đối thủ khác.  - Ét o ét: để dùng trong những tình huống khó đỡ hoặc quá hài hước.  - “Cóc”:  + Nghĩa gốc: Chỉ con vật.  + Nghĩa mới: “Quán cóc” – quán bán hàng nhỏ, bé, tạm bợ. |
| **Thực hiện nhiệm vụ** | - HS thảo luận, trả lời.  - GV quan sát, hỗ trợ |
| **Báo cáo /Thảo luận** | -Đại diện 2 nhóm trình bày câu 1  - Cá nhân trả lời câu 2,3  -Các nhóm theo dõi, nhận xét, bổ sung |
| **Kết luận/ nhận định** | - Đánh giá, nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), |
| **PHT số 1**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **VB** | **Đặc điểm các yếu tố hình thức** | **Sự phù hợp trong việc thể hiện nội dung** | | ***Nhớ***  ***rừng*** | -Hình ảnh nhân hoá, ẩn dụ xuyên suốt toàn bài  -Kết cấu đối lập hiện tại - quá khứ  -Cách gieo vần, ngắt nhịp ngắt dòng theo thể thơ 8 chữ  - Cách sử dụng hình ảnh, từ ngữ tráng lệ, hùng vĩ miêu tả không gian đại ngàn; cách sử dụng hình ảnh, từ ngữ gợi không gian tù túng, chật hẹp, giả tạo, bi thảm của vườn bách thú  -Câu hỏi tu từ, câu cảm thán | Phù hợp để thể hiện niềm cảm thông của tác giả đối với nỗi nhớ rừng của nhân vật con hổ, qua đó thể hiện tâm sự của con người | | ***Mùa***  ***xuân***  ***chín*** | - Cách đặt nhan đề và thể hiện hình tượng “mùa xuân chín”  - Cách quan sát, miêu tả, thể hiện bước đi của thời gian, cảm nhận thiên nhiên bằng nhiều giác quan  - Cách sử dụng từ láy, từ ngữ chỉ màu sắc, âm thanh,...  - Cách đưa lời thoại vào khổ thơ thứ hai và khổ thơ thứ tư | Phù hợp trong việc miêu tả bức tranh thiên nhiên mùa xuân, sự đổi thay mang tính quy luật của con người | | ***Sông***  ***Đáy*** | -Cách sử dụng câu thơ tự do gần với văn xuôi  -Cách sử dụng hình ảnh từ ngữ mới lạ  -Cách gắn kết hình ảnh Sông Đáy với hình ảnh người mẹ  -Cách kết hợp gợi nhắc hình ảnh Sông Đáy trong quá khứ với hiện tại | Phù hợp trong việc gợi nhắc kí ức những suy tư và tình cảm yêu thương mà tác giả dành cho con sông quê hương và người mẹ của mình |   **PHT SỐ 2**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Văn bản** | **Tình cảm, cảm xúc của người viết** | **Cảm hứng chủ đạo** | | Nhớ rừng | *Niềm cảm thông đối với nỗi chán chường, buồn tiếc của con hổ khi phải sống tù hãm trong vườn bách thú* | Khát khao sự tự do. | | Mùa xuân chín | *Niềm bâng khuâng trước sự đổi thay của con người, cái đẹp theo thời gian* | *Thể hiện niềm trân trọng mùa xuân, tuổi xuân* | | Sông Đáy | *Niềm thương nhớ con Sông Đáy và người mẹ* | Tình cảm cao đẹp nuôi dưỡng tâm hồn mỗi con người. | | | |
| **2. Ôn tập về viết, nói và nghe** | | |
| **Chuyển giao nhiệm vụ** | -GV chuyển giao nhiệm vụ, yêu cầu HS hoạt động cá nhân: đọc câu 5, 6 / sgk/ Tr 138  -HS tiếp nhận nhiệm vụ | **Câu 5.** Để bài văn thuyết minh hấp dẫn:  - Cần đưa ra các thông tin xác thực.  -Sử dụng linh hoạt các phương pháp thuyết minh. - Các thông tin cần được giới thiệu sâu, tỉ mỉ, chi tiết và có thể thêm cách để thưởng ngoạn đối tượng.  **Câu 6.** Điểm tiến bộ:  -Biết cách trình bày luận điểm chặt chẽ thuyết phục hơn  -Có thể phân tích sự việc có tính thời sự một cách đa chiều, từ nhiều góc độ khác nhau.  - Đã biết sử dụng ngôn rõ ràng, mạch lạc và dễ hiểu.  - Đã biết kết hợp phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ trong bài. |
| **Thực hiện nhiệm vụ** | - HS suy nghĩ, trả lời.  - GV quan sát, hỗ trợ |
| **Báo cáo /Thảo luận** | -GV mời 1-2 HS trả lời  -HS trả lời, các HS khác nhận xét, bổ sung |
| **Kết luận/ nhận định** | GV nhận xét, đánh giá, chốt |

**3.Hoạt động luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Hs trình bày thêm ý kiến về câu hỏi lớn ở đầu bài học, qua đó hiểu thêm về chủ điểm

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm :**  Phần ghi ý chính của Hs

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CÁC BƯỚC** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **II.Luyện tập** | | |
| **Chuyển giao nhiệm vụ** | -GV cho HS thảo luận câu hỏi số 3/ sgk/138  *? Vai trò của kí ức trong đời sốngt inh thần của bản thân.*  -HS tiếp nhận nhiệm vụ | Kí ức đóng vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần của chúng ta:  - Chúng là những mảnh ghép quan trọng của quá khứ, mang lại cho chúng ta những trải nghiệm, học hỏi và cảm nhận.  - Kí ức giúp chúng ta nhớ về những kỷ niệm đáng quý, những thành công và thất bại, những người thân yêu và những sự kiện đáng nhớ.  - Chúng cũng giúp chúng ta hình thành nhận thức về bản thân và xác định giá trị của cuộc sống.  - Kí ức có thể truyền cảm hứng, động viên và giúp chúng ta vượt qua khó khăn trong cuộc sống. |
| **Thực hiện nhiệm vụ** | - Gv quan sát, gợi mở, hỗ trợ  - Hs suy nghĩ |
| **Báo cáo /Thảo luận** | - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. |
| **Kết luận/ nhận định** | GV nhận xét quá trình tương tác, thảo luận nhóm của học sinh |

**4.Hoạt động vận dụng**

**a.Mục tiêu***:* Kết nối được với những gì thu nhận từ bài học liên quan tới chủ điểm để viết đoạn văn.

**b.Nội dung:** Cá nhân HS viết đoạn văn theo yêu cầu của câu hỏi 7 (trong SGK).

**b.Sản phẩm***:* Đoạn văn của HS theo yêu cầu của câu 7 (trong SGK).

**d.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CÁC BƯỚC** | **HOẠT ĐỘNG CỦA**  **GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Chuyển giao nhiệm vụ** | -GV cho HS đọc câu 7/sgk/ *Tr 138* và yêu cầu HS làm việc cá nhân  GV chiếu bảng kiểm.  -HS tiếp nhận nhiệm vụ | Kí ức đóng vai trò quan trọng trong sáng tác thơ ca. Khi tác giả nhìn lại những kỷ niệm, những trải nghiệm đã trải qua, kí ức sẽ trở thành nguồn cảm hứng và chất liệu để tạo nên những bài thơ sâu sắc và độc đáo. Kí ức có thể mang lại cho tác giả những cảm xúc mạnh mẽ, như niềm vui, nỗi buồn, tình yêu hay sự mất mát. Nhờ vào kí ức, tác giả có thể tái hiện lại những hình ảnh, âm thanh và mùi hương trong thơ ca, tạo nên sự sống động và chân thực. Kí ức cũng giúp tác giả kết nối với độc giả, khi những câu thơ mang trong mình những trải nghiệm chung, những cảm xúc chung của con người. |
| **Thực hiện nhiệm vụ** | -GV lư ý cách viết đoạn  -HS lắng nghe, suy nghĩ, viết |
| **Báo cáo /Thảo luận** | -GV gọi 1, 2 HS trình bày sản phảm  -HS đọc bài viết của bản thân; các HS nhận xét dựa vào bảng kểm |
| **Kết luận/ nhận định** | GV đánh giá, chốt |
| |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Tiêu chí** | | **Đạt** | **Chưa đạt** | | **Nội**  **dung** | Trình bày được ít nhất một vai trò của kí ức trong sáng tác thơ ca |  |  | | **Hình**  **thức** | Trình bày bằng hình thức đoạn văn có độ dài khoảng 100 - 150 chữ |  |  | | Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, viết câu |  |  | | Chữ viết rõ ràng |  |  | | | |

**RÚT KINH NGHIỆM:**

**...................................................................................................................................**

**..................................................................................................................................**

**..................................................................................................................................**